



(12) **BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

(11)



2-0003802

(51) **A61F 13/15; A61F 13/551; A61F 13/476**
2020.01

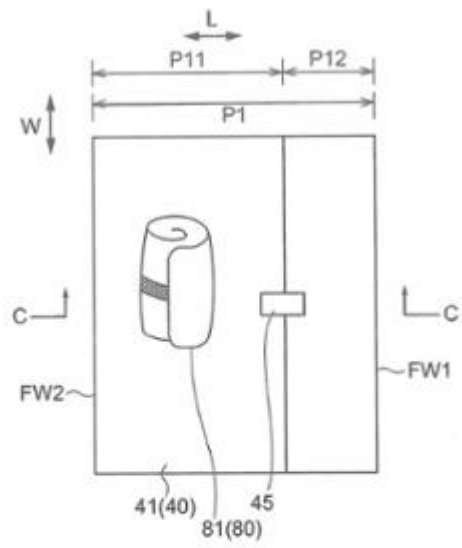
(13) **Y**

(21) 2-2022-00155 (22) 12/11/2020
(86) PCT/JP2020/042207 12/11/2020 (87) WO2021/100592 27/05/2021
(30) 201911125936.6 18/11/2019 CN
(45) 25/11/2024 440 (43) 25/08/2022 413
(73) UNICHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 7990111, Japan
(72) MU, Qinyi (CN); ZHANG, Xian (CN).
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

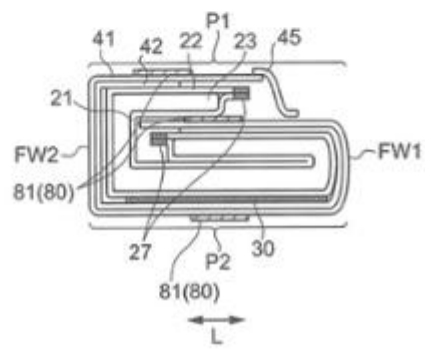
**(54) CHI TIẾT BAO GÓI DÙNG CHO VẬT DỤNG THẨM HÚT VÀ VẬT CHỨA
DÙNG CHO VẬT DỤNG THẨM HÚT**

(57) Sáng chế đề cập đến chi tiết bao gói (100) dùng cho vật dụng thẩm hút có: vật dụng thẩm hút (1) có hướng trước sau (L), hướng chiều rộng (W) vuông góc với hướng trước sau, phần thân (20) có tấm trên (21), tấm dưới (22), lõi thẩm hút (23), và chi tiết (30) để xử lý sau mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính; và tấm che (40) mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng thẩm hút và che chi tiết sau xử lý. Chi tiết bao gói (100) cho vật dụng thẩm hút có phần hiển thị (80) mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Phần hiển thị có phần hiển thị dạng tấm (81) mà được đặt trên tấm che. Ở trạng thái được đóng gói riêng mà trong đó vật dụng thẩm hút được đóng gói riêng bởi tấm che, chi tiết sau xử lý và phần hiển thị dạng tấm được bố trí đối diện bề mặt bên ngoài của chi tiết bao gói.

(a)



(b)



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút có vật dụng thấm hút bao gồm chi tiết sau xử lý được sử dụng tại thời điểm xử lý, và vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Tài liệu sáng chế 1 bộc lộ vật dụng thấm hút, như tã dùng một lần hoặc băng vệ sinh, được bố trí với chi tiết sau xử lý được sử dụng tại thời điểm xử lý. Chi tiết sau xử lý của tài liệu sáng chế 1 là băng dính, và có chi tiết đế băng, và phần kết dính thân chính được bố trí trên chi tiết đế băng. Chi tiết đế băng bao gồm phần đế được cố định với tấm dưới, và phần kéo dài có thể kéo dài kết liên kết với phần đế. Phần kết dính thân chính được bố trí trên phần kéo dài. Khi xử lý vật dụng thấm hút, người sử dụng kéo dài phần kéo dài của chi tiết đế băng, và cố định vật dụng thấm hút ở trạng thái cuộn nhờ phần kết dính thân chính.

Chi tiết đế băng được mô tả trong tài liệu sáng chế 1 được gấp trước khi sử dụng, và phần kết dính thân chính được bố trí ở giữa chi tiết đế băng được gấp. Phần kết dính thân chính được bố trí trên bề mặt đối diện phía tấm dưới ở trạng thái kéo dài, và được liên kết với tấm dưới để cố định vật dụng thấm hút ở trạng thái cuộn tại thời điểm xử lý.

Danh sách tài liệu trích dẫn

Tài liệu sáng chế

Tài liệu sáng chế 1: Công bố đơn đăng ký sáng chế Nhật Bản số H9-99010

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Nhu cầu đối với vật dụng thấm hút, có thể được cuộn nhỏ gọn và duy trì ở trạng thái cuộn tại thời điểm xử lý, như vật dụng thấm hút của tài liệu sáng chế 1. Tuy nhiên, vật dụng thấm hút có chi tiết sau xử lý như băng dính để xử lý chưa được phổ biến đầy đủ và tùy thuộc vào người dùng, sự hiện diện của chi tiết sau xử lý

không thể nhận biết. Ngoài ra, ngay cả trong trường hợp trong đó sự có mặt của chi tiết sau xử lý được nhận biết, tùy thuộc vào người sử dụng, người dùng không biết phương pháp thao tác chi tiết sau xử lý, và có thể không thể xử lý vật dụng thấm hút một cách sạch sẽ bằng cách sử dụng chi tiết sau xử lý.

Do đó, mong muốn rằng chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút mà có thể được xử lý sạch sẽ ở trạng thái người dùng sử dụng một cách thích hợp chi tiết sau xử lý và cuộn vật dụng thấm hút bằng chi tiết sau xử lý, và vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút.

Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo một khía cạnh là chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm: vật dụng thấm hút có hướng trước sau, và hướng chiều rộng vuông góc với hướng trước sau, và bao gồm phần thân chính có tấm trên, tấm dưới, và lõi thấm hút, và chi tiết sau xử lý mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính; tấm che mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng thấm hút và che chi tiết sau xử lý; và phần hiển thị mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, trong đó phần hiển thị có phần hiển thị dạng tấm mà được đặt trên tấm che, và ở trạng thái được đóng gói riêng trong đó vật dụng thấm hút được đóng gói riêng bởi tấm che, chi tiết sau xử lý và phần hiển thị dạng tấm được bố trí đối diện bề mặt bên ngoài của chi tiết bao gói.

Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo khía cạnh khác là chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm: vật dụng thấm hút có hướng trước sau, và hướng chiều rộng vuông góc với hướng trước sau, và bao gồm phần thân chính có tấm trên, tấm dưới, và lõi thấm hút, và chi tiết sau xử lý mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính; và tấm che mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng thấm hút và che chi tiết sau xử lý, vật dụng thấm hút và tấm che được gấp có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản là ở trạng thái được đóng gói riêng trong đó vật dụng thấm hút được đóng gói riêng bởi tấm che; và phần hiển thị mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, trong đó phần hiển thị được bố trí đối diện bề mặt bên ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái không gấp trong đó vật dụng thấm hút và tấm che không được gấp bằng các nếp gấp làm các điểm cơ bản từ trạng thái được đóng gói riêng.

Vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút theo một khía cạnh là vật chứa dùng

cho vật dụng thấm hút bao gồm: chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút; và túi chứa mà chứa nhiều chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút được phủ theo hướng chiều dày, trong đó túi chứa có phần hiển thị vật chứa thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, và ít nhất phần của chi tiết sau xử lý được bố trí trong vùng mà không xếp chồng lên phần hiển thị vật chứa.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

FIG. 1 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất ở trạng thái không gấp thứ nhất khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện với da.

FIG. 2 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất ở trạng thái không gấp thứ nhất khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da.

FIG. 3 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất ở trạng thái tấm không được gấp.

FIG. 4 là hình phối cảnh lắp thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút được thể hiện trong FIG. 3 khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da.

FIG. 5 là hình chiếu mặt cắt được lấy theo đường A-A được thể hiện trong FIG. 1.

FIG. 6 là hình phóng to thể hiện phần B được thể hiện trong FIG. 5.

FIG. 7 là hình vẽ thể hiện vật dụng thấm hút ở trạng thái được đóng gói riêng.

FIG. 8 là hình vẽ để minh họa trạng thái trong đó vật dụng thấm hút được cuộn theo hướng trước sau tại thời điểm xử lý.

FIG. 9 là hình phối cảnh lắp của chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ hai khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da.

FIG. 10 là hình vẽ để minh họa trạng thái trong đó vật dụng thấm hút được cuộn theo hướng trước sau tại thời điểm xử lý.

FIG. 11 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ ba ở trạng thái không gấp thứ hai.

FIG. 12 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ ba ở trạng thái tấm không được gấp.

FIG. 13 là hình phối cảnh lắp thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ tư khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da.

FIG. 14 là hình vẽ thể hiện vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút.

Mô tả chi tiết sáng chế

(1) Mô tả phương án

Ít nhất các vấn đề sau sẽ trở nên rõ ràng với mô tả về bản mô tả này và các bản vẽ đính kèm.

Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo một khía cạnh là chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm: vật dụng thấm hút có hướng trước sau, và hướng chiều rộng vuông góc với hướng trước sau, và bao gồm phần thân chính có tấm trên, tấm dưới, và lõi thấm hút, và chi tiết sau xử lý mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính; tấm che mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng thấm hút và che chi tiết sau xử lý; và phần hiển thị mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, trong đó phần hiển thị có phần hiển thị dạng tấm mà được đặt trên tấm che, và ở trạng thái được đóng gói riêng trong đó vật dụng thấm hút được đóng gói riêng bởi tấm che, chi tiết sau xử lý và phần hiển thị dạng tấm được bố trí đối diện bề mặt bên ngoài của chi tiết bao gói.

Khi sử dụng vật dụng thấm hút, người sử dụng cầm chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng trong tay và lấy ra vật dụng thấm hút. Tại thời điểm này, vì chi tiết sau xử lý được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng, người sử dụng tiếp xúc với chi tiết sau xử lý thông qua tấm che. Người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý nhờ chiều dày và kết cấu của chi tiết sau xử lý. Hơn nữa, vì phần hiển thị dạng tấm được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng, người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị dạng tấm ở trạng thái được đóng gói riêng, và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Do đó, người sử dụng có thể sử dụng thích hợp chi tiết sau xử lý và xử lý vật dụng thấm hút sạch sẽ ở trạng thái được cuộn nhờ chi tiết sau xử lý.

Theo khía cạnh ưu tiên, tấm che có thể được gấp có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản ở trạng thái được đóng gói riêng để có nhiều phần gấp ngược mà được

gập với các nếp gấp làm các điểm cơ bản, ở trạng thái được đóng gói riêng, chi tiết bao gói có thể còn bao gồm bề mặt hở mà trên đó phần gập ngược được đặt ở phía ngoài cùng trong số các phần gập ngược được bố trí, và phần hiển thị dạng tấm có thể được đặt trên tấm che trên bề mặt hở. Người sử dụng nhận biết bằng mắt bề mặt hở khi thao tác mở của chi tiết bao gói được thực hiện. Tại thời điểm này, người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị dạng tấm và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Ví dụ, thậm chí trong trường hợp trong đó sự có mặt của chi tiết sau xử lý không nhận biết được bằng cảm giác xúc giác hoặc tương tự, sự có mặt của chi tiết sau xử lý có thể được nhận biết bằng phần hiển thị dạng tấm tại thời điểm mở.

Theo khía cạnh ưu tiên, chi tiết bao gói có thể còn bao gồm bề mặt không hở ở phía đối diện với bề mặt hở ở trạng thái được đóng gói riêng, và chi tiết sau xử lý có thể được đặt đối diện bề mặt không hở ở trạng thái được đóng gói riêng. Khi người sử dụng hướng bề mặt hở về phía anh ta hoặc cô ta ở thao tác mở của chi tiết bao gói, người sử dụng tiếp xúc với bề mặt không hở đặt trên phía bề mặt sau của chi tiết bao gói. Tại thời điểm này, người sử dụng chạm gián tiếp chi tiết sau xử lý, và có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý.

Theo khía cạnh ưu tiên, chi tiết bao gói có thể còn bao gồm bề mặt không hở được định vị quay về bề mặt hở ở trạng thái được đóng gói riêng, và trên một bề mặt của bề mặt hở và bề mặt không hở của chi tiết bao gói, chi tiết sau xử lý và phần hiển thị dạng tấm có thể được bố trí để đối diện với nhau. Theo khía cạnh hiện tại, người sử dụng mà cầm chi tiết bao gói trong tay và nhận thấy sự có mặt của chi tiết sau xử lý có thể nhận biết bằng mắt bề mặt mà trên đó chi tiết sau xử lý được đặt. Tại thời điểm này, vì phần hiển thị dạng tấm và chi tiết sau xử lý được đặt trên cùng một bề mặt của chi tiết bao gói, đích thao tác và phương pháp thao tác có thể được nhận biết cùng lúc, và chi tiết sau xử lý có thể được sử dụng phù hợp hơn.

Theo khía cạnh ưu tiên, phần thân chính có thể có phần cánh mà kéo dài về phía ngoài theo hướng chiều rộng so với lõi thấm hút, ở chi tiết bao gói, ở trạng thái tấm không được gập, tấm che có thể không được gập, và phần cánh có thể được gập sao cho phía bề mặt đối diện với da của phần thân chính đối diện với nhau, phần hiển thị có thể có phần hiển thị thân chính được bố trí trong phần thân chính, và phần hiển thị thân chính có thể được bố trí trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần cánh. Chi tiết bao gói ở trạng thái không gập dạng tấm trong quá trình được mở từ

trạng thái được đóng gói riêng. Tại thời điểm này, phần hiển thị thân chính được định vị trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần cánh, và người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị thân chính của phần cánh trong quá trình mở chi tiết bao gói và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý.

Theo khía cạnh ưu tiên, phần thân chính có thể có cặp phần cánh mà kéo dài về hai phía theo hướng chiều rộng so với lõi thấm hút, và phần kết dính để liên kết phần thân chính với vật dụng mặc, phần kết dính có thể có cặp phần kết dính cánh để liên kết cặp phần cánh với vật dụng mặc, ở chi tiết bao gói, ở trạng thái tấm không được gập, tấm che có thể không được gập, và phần cánh được gập sao cho phía bề mặt đối diện với da của phần thân chính đối diện với nhau, chi tiết bao gói có thể có tấm tháo cánh mà che cặp phần kết dính cánh ở trạng thái trong đó cặp của phần cánh được gập, và phần hiển thị có thể có phần hiển thị tháo cánh được bố trí trên tấm tháo cánh. Chi tiết bao gói ở trạng thái không gập dạng tấm trong quá trình được mở từ trạng thái được đóng gói riêng. Tại thời điểm này, tấm tháo cánh được bố trí để che cặp phần cánh. Người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị tháo cánh trong quá trình mở chi tiết bao gói, và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý.

Theo khía cạnh ưu tiên, ở trạng thái được đóng gói riêng, phần thân chính có thể được gập sao cho phía bề mặt đối diện với da đối diện với nhau có nhiều nếp gấp kéo dài theo hướng chiều rộng làm các điểm cơ bản, nhiều nếp gấp có thể có nếp gấp chiều rộng thứ nhất mà được bố trí ở phía mép đầu sau của phần thân chính, và nếp gấp chiều rộng thứ hai mà được bố trí ở phía mép đầu trước của phần thân chính, phần hiển thị có thể có phần hiển thị thân chính mà được bố trí ở phần thân chính, và phần hiển thị thân chính có thể được bố trí trên ít nhất một trong số bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau ở giữa mép đầu sau của phần thân chính và nếp gấp chiều rộng thứ nhất, và bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía trước ở giữa mép đầu trước của phần thân chính và nếp gấp chiều rộng thứ hai. Theo khía cạnh hiện tại, trong quá trình mở chi tiết bao gói từ trạng thái được đóng gói riêng, phần thân chính ở trạng thái trong đó phần thân chính được gập với nếp gấp chiều rộng thứ nhất làm điểm cơ bản hoặc trạng thái trong đó phần thân chính được gập với nếp gấp chiều rộng thứ hai làm điểm cơ bản. Tại thời điểm này, bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía trước hoặc bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau được hướng về người sử dụng. Người sử dụng có thể nhận

biết bằng mắt phần hiển thị thân chính trong quá trình mở chi tiết bao gói và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý.

Theo khía cạnh ưu tiên, màu của ít nhất phần của phần hiển thị và màu của chi tiết sau xử lý có thể có cùng một số sắc độ hoặc có thể có sự khác biệt số sắc độ trong vòng 5 trong bảng màu 24 màu được phân loại theo vòng tròn sắc độ Ostwald. Theo khía cạnh hiện tại, vì màu của ít nhất phần của phần hiển thị và màu của chi tiết sau xử lý là gần với nhau, người sử dụng có thể nhận biết rằng phần hiển thị và chi tiết sau xử lý là có liên quan với nhau. Do đó, người sử dụng có thể nhận biết đích thao tác và phương pháp thao tác có liên quan với nhau, và sử dụng phù hợp hơn chi tiết sau xử lý.

Theo khía cạnh ưu tiên, tấm che có thể được gấp có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản ở trạng thái được đóng gói riêng để có nhiều phần gấp ngược mà được gấp với các nếp gấp làm các điểm cơ bản, phần gấp ngược được đặt ở phía ngoài cùng trong số các phần gấp ngược có thể được liên kết với tấm che mà xếp chồng phần gấp ngược bằng băng dính ở trạng thái được đóng gói riêng, màu của băng dính và màu của chi tiết sau xử lý có thể có sự khác biệt số sắc độ là 6 hoặc nhiều hơn trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald, và màu của băng dính và màu của ít nhất phần của phần hiển thị có thể có sự khác biệt số sắc độ là 6 hoặc nhiều hơn trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald. Khi chi tiết bao gói được mở, người sử dụng thao tác băng dính. Trong quá trình thao tác này, người sử dụng nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý và phần hiển thị. Tại thời điểm này, vì màu của băng dính không gần với màu của chi tiết sau xử lý và phần hiển thị, người sử dụng có thể nhận biết rằng băng dính không liên quan đến chi tiết sau xử lý và phần hiển thị. Do đó, nhận ra sai lầm rằng đích thao tác được thể hiện trong phần hiển thị là băng dính hoặc tương tự có thể được ngăn chặn, và chi tiết sau xử lý có thể được sử dụng phù hợp hơn.

Theo khía cạnh ưu tiên, tấm che có thể có tấm bao gói riêng mà bao gói riêng vật dụng thấm hút, chi tiết sau xử lý có thể được tạo màu, và chiều dày của chi tiết sau xử lý có thể lớn hơn so với chiều dày của tấm bao gói riêng. Theo khía cạnh hiện tại, vì chiều dày của chi tiết sau xử lý là tương đối lớn, người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý bằng cảm giác xúc giác. Ngoài ra, vì chi tiết sau xử lý được tạo màu, người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý bằng cảm quan.

Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo khía cạnh khác là chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm: vật dụng thấm hút có hướng trước sau, và hướng chiều rộng vuông góc với hướng trước sau, và bao gồm phần thân chính có tấm trên, tấm dưới, và lõi thấm hút, và chi tiết sau xử lý mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính, vật dụng thấm hút và tấm che được gấp có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản là ở trạng thái được đóng gói riêng trong đó vật dụng thấm hút được đóng gói riêng bởi tấm che; và tấm che mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng thấm hút và che chi tiết sau xử lý; và phần hiển thị mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, trong đó phần hiển thị được bố trí đối diện bề mặt bên ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái không gấp trong đó vật dụng thấm hút và tấm che không được gấp bằng các nếp gấp làm các điểm cơ bản từ trạng thái được đóng gói riêng. Khi vật dụng thấm hút được sử dụng, người sử dụng cầm chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng trong tay, không gấp chi tiết bao gói, và gỡ vật dụng thấm hút khỏi tấm che. Tại thời điểm này, khi thao tác được thực hiện từ trạng thái được đóng gói riêng đối với trạng thái không gấp, người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị, và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Do đó, người sử dụng có thể sử dụng thích hợp chi tiết sau xử lý và xử lý vật dụng thấm hút sạch sẽ ở trạng thái được cuộn nhờ chi tiết sau xử lý.

Vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút theo một khía cạnh là vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm: chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút; và túi chứa mà chứa nhiều chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút được phủ theo hướng chiều dày, trong đó túi chứa có phần hiển thị vật chứa thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, và ít nhất phần của chi tiết sau xử lý được bố trí trong vùng mà không xếp chồng lên phần hiển thị vật chứa. Khi người sử dụng nhận biết bằng mắt phần hiển thị vật chứa, thậm chí ở trạng thái trong đó chi tiết bao gói được chứa trong túi chứa, người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý và phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Ngoài ra, vì ít nhất phần của chi tiết sau xử lý không xếp chồng lên chi tiết sau xử lý, mỗi trong số phần hiển thị vật chứa và chi tiết sau xử lý dễ dàng được nhận biết từ phía ngoài của vật chứa. Do đó, người sử dụng nhận thấy dễ dàng hơn sự có mặt của chi tiết sau xử lý, và dễ dàng nhận biết vị trí của chi tiết sau xử lý. Do đó, người sử dụng có thể xử lý sạch sẽ vật dụng thấm hút ở trạng thái trong đó vật dụng thấm hút được cuộn bởi chi tiết sau xử lý bằng

cách sử dụng chi tiết sau xử lý thích hợp.

(2) Vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất

Ở đây, chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất sẽ được mô tả bằng cách tham chiếu đến các hình vẽ. Vật dụng thấm hút có thể là vật dụng thấm hút như băng vệ sinh, miếng lót quần, tấm lót thấm sữa, tấm tiểu tiện người lớn, tã dùng một lần, tấm lót thấm phân hoặc tấm lót thấm hút mồ hôi. Cụ thể, vật dụng thấm hút có thể là vật dụng được sử dụng bằng cách được gắn vào mặt trong của một vật dụng đang mặc như đồ lót của người sử dụng.

Trong phần mô tả sau đây của các hình vẽ, các phần giống hệt hoặc tương tự sẽ có một dấu hiệu tham chiếu giống hệt hoặc tương tự. Các hình vẽ là lược đồ và lưu ý rằng tỷ lệ của các kích thước riêng lẻ và tương tự có thể khác với thực tế. Do đó, kích thước cụ thể và tương tự cần được xác định bằng cách tham chiếu đến phần mô tả dưới đây. Ngoài ra, các mối quan hệ kích thước hoặc tỷ lệ giữa các phần có thể không luôn luôn giống nhau trong số các hình vẽ.

FIG. 1 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện với da. FIG. 2 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da. FIG. 3 là hình chiếu bằng thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ nhất ở trạng thái tấm không được gấp. FIG. 4 là hình phối cảnh lớp thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút được thể hiện trong FIG. 3. FIG. 4 là hình chiếu mặt cắt được lấy theo đường A-A được thể hiện trong FIG. 1. FIG. 5 là hình chiếu mặt cắt được lấy theo đường A-A được thể hiện trong FIG. 1. Ở đây, “phía bề mặt đối diện với da” tương ứng với phía đối diện da của người mặc trong quá trình sử dụng. “Phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da” tương ứng với phía đối diện phía đối diện với da của người mặc trong quá trình sử dụng. Ngoài ra, trạng thái không gấp thứ nhất là trạng thái trong đó vật dụng thấm hút 1 và tấm che 40 được gấp bằng nếp gấp bất kỳ, trạng thái không gấp dạng tấm là trạng thái trong đó các cánh 25 được gấp về phía bên trong theo hướng chiều rộng W bằng các nếp gấp trước sau FL làm các điểm cơ bản, và trạng thái không gấp thứ hai là trạng thái trong đó mép đầu sau của vật dụng thấm hút 1 được gấp về phía bên trong theo hướng trước sau L từ trạng thái không gấp dạng tấm với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ

bản. Trạng thái không gấp theo sáng chế là khái niệm bao gồm trạng thái không gấp thứ nhất, trạng thái không gấp dạng tấm, và trạng thái không gấp thứ hai. Ngoài ra, không cần thiết để có trạng thái không gấp dạng tấm theo phương án không có cánh.

Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100 bao gồm vật dụng thấm hút 1 và tấm che 40. Vật dụng thấm hút 1 có hướng trước sau L và hướng chiều rộng W. Hướng trước sau L là hướng kéo dài từ phía trước (phía bụng) đến phía sau (phía lưng) của người mặc, hoặc hướng kéo dài từ phía sau đến phía trước của người mặc. Hướng chiều rộng W là hướng vuông góc với hướng trước sau L.

Vật dụng thấm hút 1 có thể bao gồm phần thân chính 20 và chi tiết sau xử lý 30. Phần thân chính 20 bao gồm tấm trên 21 đối diện với da của người mặc, tấm dưới 22 đối diện với phía đối diện với da của người mặc, và lõi thấm hút 23 ở giữa tấm trên 21 và tấm dưới 22. Tấm trên 21 được bố trí đối diện da của người mặc trong quá trình sử dụng. Tấm trên 21 có thể được tạo ra từ vải dệt hoặc vải không dệt có sợi. Tấm trên 21 có thể được cấu tạo để có thể liên kết được với chi tiết móc 31 của chi tiết sau xử lý 30 được mô tả sau. Tấm trên có thể được tạo ra từ vải dệt hoặc vải không dệt có sợi sao cho chi tiết móc được móc nhờ các sợi, hoặc độ nhám có thể được hình thành trên bề mặt da phải đối mặt với tấm trên sao cho đầu dẫn của chi tiết móc được móc dễ hơn nhờ độ nhám. Tấm dưới 22 quay mặt về phía đối diện với da của người mặc trong quá trình sử dụng. Tấm trên 21 có thể được tạo ra từ tấm thấm hút chất lỏng. Tấm dưới 22 có thể bao gồm tấm không thấm chất lỏng.

Lõi thấm hút 23 kéo dài theo hướng trước sau L của vật dụng thấm hút 1. Lõi thấm hút 23 bao gồm vật liệu thấm hút có khả năng hút ẩm. Lõi thấm hút 23 có thể được bao phủ bởi lớp bọc lõi (không được thể hiện). Lớp bọc lõi có thể được cấu tạo từ, ví dụ, khăn giấy. Trong bản mô tả này, thuật ngữ “theo hướng trước sau L” nghĩa là hướng có góc nhỏ hơn 45° so với hướng trước sau L, và thuật ngữ “theo hướng chiều rộng W” nghĩa là hướng có góc nhỏ hơn 45° so với hướng chiều rộng W.

Vật dụng thấm hút 1 có thể có vùng trước S1, vùng giữa S2, và vùng sau S3, mà được tạo ra bằng cách chia phần thân chính 20 ba phần bằng nhau theo hướng trước sau. Vùng trước S1, vùng giữa S2, và vùng sau S3 là các vùng trong đó phần thân chính 20 được phân chia ba phần bằng nhau theo hướng trước sau L tại vị trí trong đó chiều dài của phần thân chính 20 theo hướng trước sau L là dài nhất (theo

phương án hiện tại, tâm 20CW theo hướng chiều rộng của phần thân chính). Mỗi vùng được thể hiện trong các FIG. 1 và 2. Vật dụng thấm hút 1 có vùng sắp xếp lõi R23 trong đó lõi thấm hút 23 được bố trí ở hình chiếu bằng. Vùng sắp xếp lõi R23 là vùng trong đó lõi thấm hút 23 được bố trí ở hình chiếu bằng của FIG. 1 hoặc tương tự, và là vùng được chỉ ra bởi vùng gạch chéo trong FIG. 1.

Phần thân chính 20 của vật dụng thấm hút 1 có thể có phần cánh mà kéo dài hướng về phía bên ngoài theo hướng chiều rộng W so với lõi thấm hút 23. Phần cánh có thể là ít nhất một trong số cánh 25 được bố trí trong ít nhất vùng giữa S2, và cánh hông được bố trí trong ít nhất vùng sau S3. Phần cánh của phương án hiện tại có các cánh 25. Cánh 25 nhô hướng về phía bên ngoài theo hướng chiều rộng W và được gấp ngược hướng về phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần đũng của vật dụng mặc khi được sử dụng.

Trên phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của phần thân chính 20 trong vùng sắp xếp lõi R23, phần kết dính 50 để liên kết phần thân chính 20 với vật dụng mặc và chi tiết sau xử lý 30 được đặt. Bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính 20 theo phương án hiện tại được tạo ra từ tấm dưới 22, và phần kết dính 50 và chi tiết sau xử lý 30 được bố trí trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của tấm dưới 22. Chi tiết sau xử lý 30 có thể có dạng hình chữ nhật ở hình chiếu bằng như được thể hiện trong FIG. 2, có thể có dạng hình tròn như hình elip, có thể có nhiều chi tiết dạng chấm, hoặc có thể có nhiều chi tiết đường thẳng. Trong trường hợp trong đó phần góc của chi tiết sau xử lý 30 có dạng cong như dạng elip, sự không thoải mái khi chi tiết sau xử lý 30 tiếp xúc với người sử dụng có thể được giảm.

Chi tiết sau xử lý 30 có chi tiết móc 31 mà nhô hướng về phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2. Chi tiết móc 31 được cấu tạo để có thể liên kết với tấm trên 21 ở trạng thái trong đó phần thân chính 20 được gấp với phía bề mặt đối diện với da T1 của phần thân chính 20 được hướng về phía bên trong tại thời điểm xử lý của vật dụng thấm hút hoặc tương tự. Khía cạnh của vật dụng thấm hút 1 tại thời điểm xử lý sẽ được mô tả chi tiết sau. Chi tiết móc 31 có thể được tạo thành từ phần của tấm dưới 22 nhô ra hướng phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 hoặc có thể được tạo ra từ chi tiết là thành phần tách biệt khỏi tấm dưới 22. FIG. 6 là hình chiếu mặt cắt thể hiện phần B trong FIG. 5. Như được thể hiện trong FIG. 6, chi tiết móc 31 của phương án hiện tại được tạo ra từ chi tiết là thành phần tách biệt khỏi

tấm dưới 22 và nhô ra từ tấm nền 35 được liên kết với bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của tấm dưới 22 hướng về phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2. Tấm nền 35 và chi tiết móc 31 có thể được tích hợp với nhau. Chi tiết móc 31 có thể có phần trục 311 nhô ra hướng phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2, và phần hình ô 312 kéo dài hướng về phía bên ngoài theo hướng mặt phẳng so với phần trục 311 tại đầu dẫn của phần trục 311. Nhiều chi tiết móc 31 có thể được xử lý tác biệt với nhau theo hướng trước sau L và hướng chiều rộng W, hoặc chỉ một chi tiết móc 31 có thể được xử lý. Tấm nền 35 được liên kết với bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính 20. Tấm nền 35 của phương án hiện tại được liên kết với tấm dưới 22 ở vùng liên kết. Vùng liên kết có thể được bố trí trên toàn bộ chi tiết sau xử lý 30.

Chi tiết sau xử lý 30 bao gồm tấm nền có dạng tấm 35, và nhiều chi tiết móc 31 dựng đứng từ bề mặt (bề mặt sau) của tấm nền, và ví dụ, chúng có chi tiết móc 31 dạng mỏ neo hoặc dạng móc có thể được sử dụng. Như chi tiết sau khi xử lý, chi tiết nổi được biết đến của băng gai dính cơ học cũng có thể được sử dụng, và ví dụ, các chi tiết nổi của “Magic Tape (nhãn hiệu đã đăng ký)” (sản xuất bởi KURARAY CO., LTD.), “Quicklon (nhãn hiệu đã đăng ký)” (do YKK Corporation sản xuất), “Magicloth (nhãn hiệu đã đăng ký)” (do Kanebo-Belltouch sản xuất), và tương tự có thể được sử dụng.

Trong ví dụ được biến đổi, chi tiết sau xử lý 30 có thể có phần kết dính sau xử lý mà kết hợp hỗ trợ chi tiết móc 31 và tấm trên 21. Phần kết dính sau xử lý có thể được đặt trên phía bề mặt không đối diện với bề mặt da của chi tiết sau xử lý 30. Phần kết dính sau xử lý có thể được bố trí ít nhất trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của chi tiết sau xử lý 30, và có thể được đặt trên bề mặt mà không phải bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của chi tiết sau xử lý 30, như bề mặt của phần trục. Phần kết dính sau xử lý có thể được bố trí trên chi tiết móc 31 hoặc có thể được bố trí trên tấm nền 35. Bằng cách bố trí phần kết dính sau xử lý, lực liên kết khi chi tiết móc 31 và tấm trên 21 được liên kết tại thời điểm xử lý còn có thể được đảm bảo. Hơn nữa, thậm chí đối với vải không dệt sợi ngắn (chiều dài sợi là khoảng 10 mm hoặc ngắn hơn) như vải không dệt được liên kết bằng sợi thủy lực và vải không dệt mà rất khó để đảm bảo độ bền của sự làm rối sợi, phần kết dính sau xử lý đảm bảo lực liên kết với tấm trên 21 và chi tiết sau xử lý 30 giúp dễ dàng duy trì trạng thái cuộn hơn của vật dụng thấm hút 1. Cần lưu ý rằng chất kết dính tạo thành phần kết

dính sau xử lý có thể giống với phần kết liên kết 50 hoặc khác với phần kết dính 50.

Phần kết dính 50 là vùng trong đó chất kết dính để liên kết phần thân chính 20 với vật dụng mặc được tạo ra. Phần kết dính 50 có phần kết dính thân chính 51 được bố trí trong vùng sắp xếp lõi R23, và phần kết dính cánh 52 (phần kết dính cánh) đặt trên cánh 25 làm phần cánh. Phần kết dính thân chính 51 kéo dài theo hướng trước sau L và được bố trí được đặt cách với nhau theo hướng chiều rộng W. Phần kết dính thân chính 51 có thể được bố trí trên mỗi trong số hai phía theo hướng chiều rộng W so với chi tiết sau xử lý 30. Cần lưu ý rằng phần kết dính thân chính 51 có thể được bố trí để kéo dài theo hướng chiều rộng W và có thể được bố trí với khoảng trống theo hướng trước sau L như trong phương án thứ hai. Phần kết dính 50 có thể có chức năng liên kết phần thân chính 20 với vật dụng mặc khi được sử dụng và chức năng liên kết bổ sung với tấm trên 21 tại thời điểm xử lý. Phần kết dính cánh 52 được đặt trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của các cánh 25, và được che bởi tấm tháo cánh 43 trước khi sử dụng như được thể hiện trong FIG. 3.

Tấm che 40 có thể được bố trí trên phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của chi tiết sau xử lý 30 và che chi tiết móc 31. Tấm che 40 che phần thân chính 20 trước khi sử dụng và được tách khỏi phần thân chính 20 khi được sử dụng. Tấm che 40 có thể là ít nhất một trong số tấm bao gói riêng 41 mà bao gói riêng phần thân chính 20 và tấm tháo 42 mà che phần kết dính 50. Bằng cách che chi tiết móc 31 bởi ít nhất bất kỳ trong số tấm bao gói riêng 41 và tấm tháo 42, chi tiết móc 31 có thể được ngăn chặn không bị tiếp xúc với bên ngoài trước khi vật dụng thấm hút 1 được sử dụng, và chi tiết móc 31 có thể được bảo vệ. Do đó, vấn đề ở chỗ chi tiết móc 31 vô tình bị hỏng trước khi sử dụng hoặc chi tiết móc 31 vô tình tiếp xúc với da có thể được ngăn chặn. Tấm che 40 của phương án hiện tại bao gồm cả tấm bao gói riêng 41 và tấm tháo 42. Như được thể hiện trong FIG. 5, tấm tháo 42 có thể được bố trí trên phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của chi tiết móc 31 của chi tiết sau xử lý 30, và tấm bao gói riêng 41 có thể được bố trí trên phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của tấm tháo 42. Vì tấm tháo 42 được bố trí ở giữa chi tiết móc 31 và tấm bao gói riêng 41, vấn đề ở chỗ tấm bao gói riêng 41 vô tình bị rách nhờ chi tiết móc 31 có thể được ngăn chặn.

Sức bong tróc ở giữa tấm che 40 và chi tiết sau xử lý 30 là thấp hơn so với sức bong tróc ở giữa chi tiết sau xử lý 30 và bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính 20. Cụ thể hơn, ở trạng thái được đóng gói riêng, tấm che 40 và

chi tiết móc 31 tiếp xúc với nhau, và sức bong tróc ở giữa tấm che 40 và chi tiết móc 31 có thể thấp hơn sức bong tróc ở giữa chi tiết sau xử lý 30 và tấm dưới 22. Cụ thể, khi tấm che 40 không được gập từ trạng thái được đóng gói riêng, tấm che 40 có thể được tháo khỏi chi tiết móc 31 mà không tháo chi tiết sau xử lý 30 và tấm dưới 22. Theo cấu tạo được mô tả trên đây, tấm che 40 có thể được tách khỏi phần thân chính 20 và chi tiết sau xử lý 30 mà không tháo chi tiết sau xử lý 30 khỏi phần thân chính 20 khi chi tiết bao gói được mở từ trạng thái được đóng gói riêng.

Hơn nữa, sức bong tróc ở giữa tấm che 40 và phần kết dính 50 là lớn hơn so với sức bong tróc ở giữa tấm che 40 và chi tiết sau xử lý 30. Cụ thể, ở trạng thái được đóng gói riêng, tấm che 40 và phần kết dính thân chính 51 tiếp xúc với nhau, và tấm che 40 và chi tiết móc 31 tiếp xúc với nhau. Sức bong tróc ở giữa tấm che 40 và phần kết dính thân chính 51 có thể cao hơn so với sức bong tróc ở giữa tấm che 40 và chi tiết móc 31. Cụ thể, chi tiết móc 31 có thể được cấu tạo để được tháo dễ dàng hơn khỏi tấm che 40 hơn phần kết dính thân chính 51 khi chi tiết bao gói không được gập từ trạng thái được đóng gói riêng. Ở trạng thái được đóng gói riêng, sự liên kết của tấm che 40 và phần kết dính 50 làm cho có thể ngăn chặn sự khác biệt vị trí của tấm che 40. Ngoài ra, vì chi tiết móc 31 được tháo dễ dàng khỏi tấm che 40, khi tấm che 40 được tách khỏi phần thân chính 20 và chi tiết sau xử lý 30, vấn đề ở chỗ chi tiết sau xử lý 30 được giữ bởi tấm che 40 có thể được ngăn chặn.

Phần thân chính 20 có thể được gập có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản trước khi sử dụng. FIG. 7 là hình vẽ thể hiện trạng thái đóng gói riêng trong đó vật dụng thấm hút 1 được gập với các nếp gấp làm các điểm cơ bản và phần thân chính 20 được đóng gói riêng với tấm bao gói riêng 41. FIG. 7(a) là hình chiếu bằng thể hiện vật dụng thấm hút ở trạng thái được đóng gói riêng, và FIG. 7(b) là hình chiếu mặt cắt được lấy theo đường C-C được thể hiện trong FIG. 7(a). Cần lưu ý rằng nhiều nếp gấp có thể là nếp gấp để gập ít nhất chỉ phần thân chính 20, và có thể là nếp gấp để gập phần thân chính 20, chi tiết sau xử lý 30, và tấm che 40 cùng với nhau. Nhiều nếp gấp có thể bao gồm cặp nếp gấp trước sau FL kéo dài theo hướng trước sau L và cặp nếp gấp chiều rộng FW kéo dài theo hướng chiều rộng W.

Cặp nếp gấp trước sau FL có thể được bố trí cách nhau theo hướng chiều rộng W, và có thể được bố trí trên hai phía mà xen vào tâm chiều rộng thân chính 20CW ở giữa. Cặp nếp gấp trước sau FL có thể có nếp gấp trước sau thứ nhất FL1 và nếp gấp trước sau thứ hai FL2. Cặp nếp gấp trước sau FL có thể là nếp gấp để gập

các cánh 25 về phía bên trong theo hướng chiều rộng W. FIG. 3 thể hiện trạng thái không gấp dạng tấm trong đó các cánh 25 (phần cánh) được gấp với các nếp gấp gấp trước sau FL làm các điểm cơ bản và tấm che không được gấp. Cặp nếp gấp trước sau FL của phương án thứ nhất các nếp gấp mà được định vị ở phía bên ngoài theo hướng chiều rộng so với lõi thấm hút 23 và không gấp lõi thấm hút. Tuy nhiên, trong ví dụ được biến đổi, cặp nếp gấp trước sau FL có thể được đặt trong vùng mà xếp chồng lõi thấm hút 23, và lõi thấm hút 23 có thể được cấu tạo được gấp ở trạng thái tấm không được gấp. Ở trạng thái không gấp dạng tấm, tấm che 40 không được gấp, các cánh 25 được gấp sao cho phía bề mặt đối diện với da của phần thân chính 20 đối diện với nhau, và tấm tháo cánh 43 được bố trí để che phần kết dính cánh 52 của cặp cánh 25.

Cặp nếp gấp chiều rộng FW có thể được bố trí để được đặt cách nhau theo hướng trước sau L. Nếp gấp chiều rộng FW có thể có nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW 1 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW 2. Nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW 1 là gần nhất với mép đầu sau 23R của lõi thấm hút 23 trong số nhiều nếp gấp, và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW 2 là gần nhất với mép đầu trước 23F của lõi thấm hút 23 trong số nhiều nếp gấp. Theo phương án thực hiện sáng chế, nếp gấp khác kéo dài theo hướng chiều rộng W có thể được bố trí ở giữa nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2. Nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 là các đường thẳng để gấp vật dụng thấm hút 1 với phía bề mặt đối diện với da T1 của phần thân chính 20 được hướng về phía bên trong khi vật dụng thấm hút được đóng gói (trước khi sử dụng). Nếp gấp có thể được xác định bởi vị trí của lần xếp. Theo phương án trong đó lần xếp của phần thân chính 20 không dễ dàng xác định, vị trí của nếp gấp có thể được xác định bằng cách tham chiếu đến lần xếp của tấm che 40. Như được thể hiện trong FIG. 1, vật dụng thấm hút 1 có vùng phía sau S31 ở giữa mép đầu sau 20R của phần thân chính 20 và nếp gấp chiều rộng thứ nhất, và vùng phía trước S11 ở giữa mép đầu trước 20F của phần thân chính 20 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2.

Tấm che 40 có thể có phần được gấp ngược được gấp có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản. Cụ thể, như được thể hiện trong FIG. 3, phần gấp ngược bao gồm phần được gấp ngược thứ hai R42 là vùng ở giữa mép đầu trước của tấm che 40 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 ở trạng thái không gấp thứ nhất, và được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 làm điểm cơ bản ở trạng thái được đóng gói riêng,

và phần được gấp ngược thứ nhất R41 là vùng ở giữa mép đầu sau của tấm che 40 và nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 ở trạng thái không gấp thứ nhất, và được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ bản ở trạng thái được đóng gói riêng. Chi tiết bao gói 100 có bề mặt hở mà trên đó phần gấp ngược được định vị ở phía ngoài cùng ở trạng thái được đóng gói riêng được bố trí, trong số nhiều phần gấp ngược. Bề mặt hở của phương án hiện tại là bề mặt có phần được gấp ngược thứ hai R42 được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 làm điểm cơ bản, và là toàn bộ bề mặt được thể hiện trong FIG. 7(a). Bề mặt hở P1 bao gồm toàn bộ phần được gấp ngược thứ hai R42 (P11 được thể hiện trong FIG. 7(a)) và một phần của phần được gấp ngược thứ nhất R41 mà không được che với phần được gấp ngược thứ hai R42 (P12 được thể hiện trong FIG. 7(a)). Như được thể hiện trong FIG. 7(b), chi tiết bao gói 100 có bề mặt không hở P2 được định vị quay về bề mặt hở P1. Bề mặt không hở P2 được tạo ra từ bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của tấm bao gói riêng 41 được bố trí trong vùng ở giữa nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 ở trạng thái không gấp thứ nhất. Cả bề mặt hở P1 và bề mặt không hở P2 là các bề mặt ở trạng thái được đóng gói riêng, và cấu thành bề mặt ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng.

Vật dụng thấm hút 1 theo phương án này được gấp cùng nhau ở trạng thái trong đó vật dụng thấm hút 1 được bố trí ở tấm bao gói riêng 41 và tấm tháo 42 tại thời điểm đóng gói riêng trước khi sử dụng. Như ví dụ về khía cạnh gấp, ở trạng thái không gấp thứ nhất trong đó vật dụng thấm hút 1 được bố trí ở tấm bao gói riêng 41 và tấm tháo 42, các cánh 25 được gấp về phía bên trong theo hướng chiều rộng W với các nếp gấp gấp trước sau FL làm các điểm cơ bản là ở trạng thái tấm không được gấp (tham chiếu đến FIG. 2). Ở trạng thái không gấp dạng tấm, chỉ phần thân chính 20 được gấp, và tấm che 40 và chi tiết sau xử lý 30 không được gấp.

Tiếp theo, mép đầu sau của vật dụng thấm hút 1 được gấp về phía bên trong theo hướng trước sau L với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ bản là ở trạng thái không gấp thứ hai. Tiếp theo, phía mép đầu trước của vật dụng thấm hút 1 được gấp về phía bên trong theo hướng trước sau L với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 làm điểm cơ bản. Đầu dẫn của phần được gấp ngược thứ hai R42 được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 làm điểm cơ bản (Cụ thể, mép đầu trước của tấm bao gói riêng 41) được liên kết với tấm che 40 của phần được gấp ngược thứ nhất R41, được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ bản, bằng băng

dính 45. Kết quả là được gấp theo cách này, vật dụng thấm hút 1 được đóng gói riêng với tấm bao gói riêng 41. Cần lưu ý rằng, theo phương án thực hiện sáng chế, băng dính 45 đã không cần phải được tạo ra.

Ưu tiên là ở trạng thái trong đó vật dụng thấm hút 1 được gấp trước khi sử dụng, tấm trên 21 và chi tiết sau xử lý 30 không tiếp xúc với nhau. Ở vật dụng thấm hút 1 của phương án hiện tại, ở trạng thái gấp trước khi sử dụng, tấm trên 21 không được bố trí để che bề mặt đối diện không tiếp xúc với daphía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của chi tiết sau xử lý 30, chi tiết sau xử lý 30 không tiếp xúc với tấm trên 21 ở trạng thái gấp trước khi sử dụng, và chi tiết móc 31 không được vô tình liên kết với tấm trên 21. Cần lưu ý rằng, theo phương án trong đó số nếp gấp chiều rộng là ba hoặc nhiều hơn và phương án trong đó chi tiết sau xử lý 30 được bố trí đúng giữa nếp gấp chiều rộng theo hướng trước sau L, tấm trên 21 có thể được bố trí để che bề mặt đối diện không tiếp xúc với daphía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của chi tiết sau xử lý 30 ở trạng thái trong đó vật dụng thấm hút được gấp trước khi sử dụng. Theo phương án này, ưu tiên là chi tiết cấu tạo cấu thành vật dụng thấm hút 1 được bố trí ở giữa chi tiết móc 31 và tấm trên 21. Chi tiết cấu thành này có thể là, ví dụ, tấm che 40. Ở trạng thái gấp, các chi tiết cấu thành được bố trí ở giữa tấm trên 21 và chi tiết móc 31, ngăn tấm trên 21 và chi tiết móc 31 không tiếp xúc với nhau. Do đó, vấn đề ở chỗ chi tiết móc 31 được liên kết có chủ ý với tấm trên 21 trước khi sử dụng có thể được ngăn chặn.

Tiếp theo, dựa trên FIG. 8, ví dụ về khía cạnh xử lý của vật dụng thấm hút 1 sẽ được mô tả. Vì chất bài tiết bị dính vào tấm trên 21 sau khi sử dụng, khi xử lý vật dụng thấm hút 1, người sử dụng có thể cuộn vật dụng thấm hút với phía bề mặt đối diện với da T1 của phần thân chính 20 được hướng về phía bên trong và bố trí của vật dụng thấm hút 1. Tại thời điểm này, như được thể hiện trong FIG. 8(a), phần thân chính 20 và chi tiết sau xử lý 30 được cuộn từ mép đầu trước hoặc mép đầu sau của phần thân chính 20 theo hướng trước sau L. Trong khi bề mặt đối diện không tiếp xúc với daphía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của phần bắt đầu cuộn của phần thân chính 20 tiếp xúc với tấm trên 21, phần thân chính 20 được cuộn theo hướng trước sau L. Ở bề mặt đối diện không tiếp xúc với daphía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 của phần thân chính 20, chi tiết móc 31 nhô ra hướng bề mặt đối diện không tiếp xúc với daphía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da T2 được đặt. Khi phần thân chính 20 và chi tiết sau xử lý 30 còn được cuộn theo hướng

trước sau L từ trạng thái được thể hiện trong FIG. 8(a), chi tiết móc 31 tiếp xúc với tấm trên 21. Phần hình ô 312 của chi tiết móc 31 được móc nhờ các sợi của tấm trên 21, và chi tiết móc 31 được liên kết với tấm trên 21. Do đó, nhờ chi tiết sau xử lý 30, ở trạng thái sạch trong đó bề mặt mà chất thải bị dính vào đó được hướng về phía bên trong, vật dụng thấm hút 1 có thể được xử lý. Vì chi tiết móc 31 cho phép đạt được trạng thái liên kết nhờ được giữ ở giữa các sợi của tấm trên 21, thậm chí trong trường hợp trong đó tấm trên 21 trở nên ẩm ướt do sự kết dính của chất lỏng cơ thể như máu kinh và rất khó đạt được lực liên kết ở giữa phần kết dính 50 và tấm trên 21, chi tiết sau xử lý và tấm trên có thể được liên kết với nhau. Cụ thể, vì phần kết dính ở trạng thái sau khi được gắn vào đồ lót hoặc tương tự, và không chỉ lực liên kết bị giảm, mà còn tấm trên đang ở trong tình trạng ẩm ướt, tấm trên và phần kết dính 50 là ít có khả năng được liên kết với nhau. Do đó, tấm trên và phần kết dính 50 có thể được liên kết bởi chi tiết sau xử lý 30. Ngoài ra, thao tác liên kết chi tiết móc 31 của chi tiết sau xử lý 30 với tấm trên 21 có thể được tiến hành bằng quá trình cuộn phần thân chính 20, và thao tác kéo riêng biệt chi tiết sau xử lý 30 để liên kết chi tiết móc vào tấm trên hoặc tương tự không được yêu cầu. Do đó, thậm chí trong trường hợp trong đó người sử dụng xử lý của vật dụng thấm hút không có nhận thức đặc biệt, phần thân chính 20 ở trạng thái cuộn có thể được duy trì bởi chi tiết sau xử lý 30.

Cần lưu ý rằng ở trạng thái trong đó vật dụng thấm hút 1 được cuộn, phần kết dính thân chính 51 cũng tiếp xúc với tấm trên 21. Phần kết dính thân chính 51 có chức năng liên kết phần thân chính 20 với vật dụng mặc khi được sử dụng, và có lực kết dính nhẹ sau khi gỡ phần thân chính 20 từ vật dụng mặc. Phần kết dính thân chính 51 cũng được liên kết bổ sung với tấm trên 21. Do đó, chi tiết sau xử lý 30 có thể được liên kết với tấm trên 21 và phần kết dính thân chính 51 cũng có thể được liên kết với tấm trên 21.

Chi tiết sau xử lý 30 và phần kết dính thân chính 51 có thể được bố trí trong vùng sắp xếp lõi R23. Lõi thấm hút 23 có độ cứng cao trong chi tiết cấu tạo của vật dụng thấm hút 1. Vì lõi thấm hút 23 có độ cứng cao được duy trì ở trạng thái cuộn, phần thân chính 20 ít có khả năng bị mở ra và trạng thái cuộn được duy trì dễ dàng.

Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100 theo phương án hiện tại được cấu tạo sao cho người sử dụng có thể dễ dàng nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 và phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Chi tiết bao gói 100 có phần hiển thị 80 mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30. Phần hiển thị 80

là sự hiển thị thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30 với ký tự, hoa văn, và tương tự. Phần hiển thị 80 có thể được cấu tạo để có thể nhận biết bằng mắt từ phía bên ngoài của chi tiết bao gói ít nhất ở trạng thái được đóng gói riêng. Người sử dụng có thể dễ nhận biết hơn sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 và phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Cần lưu ý rằng “có thể nhận biết bằng mắt” theo sáng chế nghĩa là khi đối tượng có thị lực tốt (1,0 hoặc lớn hơn) ở cả hai mắt, quan sát một vật ở khoảng cách 30 cm đến 50 cm trong một căn phòng được chiếu sáng rực rỡ với ánh sáng ban ngày trắng (tham chiếu nhiệt độ màu: 4600 đến 5400 K (Kelvin)) (tham chiếu: 500 đến 750 lx (Lux)), đối tượng có thể nhận biết đối tượng bằng mắt.

Phần hiển thị 80 có thể bao gồm phần hiển thị dạng tấm 81 đặt trên tấm che 40. Cụ thể, như được thể hiện trong FIG. 7(b), phần hiển thị dạng tấm 81 được định vị trên tấm bao gói riêng 41 mà cấu thành bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100. Ở trạng thái được đóng gói riêng của chi tiết bao gói 100, phần hiển thị dạng tấm 81 được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100. Vì phần hiển thị dạng tấm 81 được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 ở trạng thái được đóng gói riêng, người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị dạng tấm 81 ở trạng thái được đóng gói riêng, và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30. Do đó, người sử dụng có thể sử dụng thích hợp chi tiết sau xử lý 30 và việc xử lý chi tiết sau xử lý 30 sạch ở trạng thái được cuộn nhờ chi tiết sau xử lý 30.

Cần lưu ý rằng bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 là bề mặt được định vị ở phía bên ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái gập. Trạng thái đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói bao gồm không chỉ trạng thái được bố trí trên bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100, mà còn trạng thái được bố trí đối diện chi tiết mà cấu thành bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 (như tấm bao gói riêng), và trạng thái được bố trí đối diện chi tiết mà cấu thành bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 thông qua chi tiết khác với chi tiết mà cấu thành bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100. Cần lưu ý rằng, một cách thích hợp, phần hiển thị 80 có thể được bố trí trên phía bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 so với lõi thấm hút 23 ở trạng thái được đóng gói riêng.

Phần hiển thị dạng tấm 81 có thể được đặt trên tấm che 40 trên bề mặt hở P1. Như được thể hiện trong FIG. 7(a), phần hiển thị dạng tấm 81 của phương án hiện tại được định vị trên tấm bao gói riêng 41 trên bề mặt hở P1, và được định vị trên bề mặt ngoài của chi tiết bao gói. Người sử dụng nhận biết bằng mắt bề mặt hở P1 khi thao tác mở của chi tiết bao gói được thực hiện. Tại thời điểm này, người sử dụng có

thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị dạng tám 81 và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30. Ví dụ, thậm chí trong trường hợp trong đó sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 không nhận biết được do cảm giác xúc giác hoặc tương tự, sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 có thể được nhận biết bằng phần hiển thị dạng tám 81 tại thời điểm mở.

Như được thể hiện trong FIG. 4, phần hiển thị 80 có thể bao gồm phần hiển thị tháo cánh 82 được bố trí trên tấm tháo cánh 43. Chi tiết bao gói ở trạng thái không gấp dạng tám trong quá trình được mở khi được sử dụng. Cụ thể, khi chi tiết bao gói không được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 làm điểm cơ bản từ trạng thái được đóng gói riêng và sau đó không được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ bản, trạng thái không gấp dạng tám được thể hiện trong FIG. 3 được thực hiện. Tại thời điểm này, tấm tháo cánh 43 được bố trí để che cặp cánh 25. Người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị tháo cánh 82 trong quá trình mở chi tiết bao gói 100 và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30.

Ở trạng thái được đóng gói riêng, chi tiết sau xử lý 30 được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100. Cụ thể, như được thể hiện trong FIG. 7(b), chi tiết sau xử lý 30 được bố trí đối diện tấm bao gói riêng 41 cấu thành bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 thông qua tấm tháo 42. Khi sử dụng vật dụng thấm hút 1, người sử dụng cầm chi tiết bao gói 100 ở trạng thái được đóng gói riêng trong tay và lấy ra vật dụng thấm hút 1. Tại thời điểm này, vì chi tiết sau xử lý 30 được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100 ở trạng thái được đóng gói riêng, người sử dụng tiếp xúc với chi tiết sau xử lý 30 thông qua tấm che 40. Người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 dựa trên chiều dày và kết cấu của chi tiết sau xử lý 30.

Như được thể hiện trong FIG. 7(b), chi tiết sau xử lý 30 có thể được đặt đối diện bề mặt không hở P2 ở trạng thái được đóng gói riêng. Khi người sử dụng hướng bề mặt hở P1 về phía người sử dụng trong thao tác mở của chi tiết bao gói 100, người sử dụng tiếp xúc với bề mặt không hở P2 được định vị ở phía bề mặt sau của chi tiết bao gói 100. Tại thời điểm này, người sử dụng chạm gián tiếp chi tiết sau xử lý 30, và nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30.

Trên một trong số bề mặt hở P1 và bề mặt không hở P2 của chi tiết bao gói

100, chi tiết sau xử lý 30 và phần hiển thị dạng tám 81 có thể được bố trí để đối diện với nhau. Ở chi tiết bao gói của phương án hiện tại, chi tiết sau xử lý 30 và phần hiển thị dạng tám 81 được bố trí đối diện bề mặt không hở P2. Người sử dụng mà cầm chi tiết bao gói 100 và nhận thấy sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 có thể nhận biết bằng mắt bề mặt mà trên đó chi tiết sau xử lý 30 được đặt. Tại thời điểm này, vì phần hiển thị dạng tám 81 và chi tiết sau xử lý 30 được đặt trên cùng một bề mặt của chi tiết bao gói 100, đích thao tác và phương pháp thao tác có thể được nhận biết cùng lúc, và chi tiết sau xử lý 30 có thể được sử dụng phù hợp hơn. Cần lưu ý rằng cả phần hiển thị dạng tám 81 và phần hiển thị tháo cánh 82 có thể thể hiện chi tiết sau xử lý 30, và thiết kế của cả phần hiển thị có thể giống nhau hoặc khác với nhau.

Hơn nữa, chi tiết sau xử lý 30 có thể được tạo màu. Người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 bằng cảm quan. Chiều dày của chi tiết sau xử lý 30 có thể lớn hơn so với chiều dày của tám bao gói riêng 41. Khi chiều dày của chi tiết sau xử lý 30 là lớn hơn so với chiều dày của tám bao gói riêng 41, người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 bằng cảm giác xúc giác. Thích hợp hơn, chiều dày của chi tiết sau xử lý 30 là dày hơn so với toàn bộ chiều dày của tám che 40 thu được bằng cách kết hợp tám bao gói riêng 41 và tám tháo 42. Điều này làm cho người sử dụng dễ dàng nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 bằng cảm giác xúc giác.

Chi tiết sau xử lý 30 có thể được bố trí trong vùng mà không xếp chồng lên phần kết dính thân chính 51. Khi vật dụng thấm hút 1 được gắn với vật dụng mặc, các vùng mà không xếp chồng với phần kết dính thân chính 51 nhô lên so với vật dụng mặc hoặc di chuyển không hạn chế nhờ vật dụng mặc, làm cho chi tiết sau xử lý 30 dễ thấy bằng mắt. Điều này làm cho người sử dụng dễ dàng nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 khi được sử dụng.

Chi tiết sau xử lý 30 có thể được bố trí để đứng giữa tâm 20CW theo hướng chiều rộng của phần thân chính. Trong trường hợp trong đó vật dụng thấm hút 1 được đặt trong vật dụng mặc, khi kẹp vật dụng thấm hút 1 bằng hai tay, tâm 20CW theo hướng chiều rộng của phần thân chính 20 dễ được chạm vào. Tại thời điểm này, người sử dụng chạm chi tiết sau xử lý 30 mà không chú ý, và dễ nhận thấy sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30. Hơn nữa, đối với người sử dụng người mà biết rằng chi tiết sau xử lý 30 được bố trí ở tâm của phần thân chính 20 theo hướng chiều rộng W, căn thẳng so với vật dụng mặc có thể được thực hiện bằng cách tham chiếu đến chi tiết

sau xử lý 30.

Màu của ít nhất phần của phần hiển thị 80 và màu của chi tiết sau xử lý 30 có thể có cùng một số sắc độ hoặc có thể có sự khác biệt số sắc độ trong 5 trong bảng màu 24 màu được phân loại theo vòng tròn sắc độ Ostwald. Vì màu của ít nhất phần của phần hiển thị 80 và màu của chi tiết sau xử lý 30 là gần với nhau, người sử dụng có thể nhận biết rằng phần hiển thị 80 và chi tiết sau xử lý 30 là có liên quan với nhau. Do đó, người sử dụng có thể nhận biết đích thao tác và phương pháp thao tác có liên quan với nhau, và sử dụng phù hợp hơn chi tiết sau xử lý 30. Thích hợp hơn, màu của ít nhất phần của phần hiển thị 80 và màu của chi tiết sau xử lý 30 có thể là màu của cùng số sắc độ trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald. Thiết kế của phần hiển thị 80 và chi tiết sau xử lý 30 được tích hợp, làm cho người sử dụng có thể nhận biết cả hai một cách tương quan hơn.

Hơn nữa, theo phương án trong đó màu sắc của phần hiển thị dạng tám 81 và chi tiết sau xử lý 30 là gần với nhau, ưu tiên là cảm giác xúc giác của tám che 40 có phần hiển thị dạng tám 81 và cảm giác xúc giác của chi tiết sau xử lý 30 là khác nhau. Ở đây, là phù hợp nếu cấu tạo có cảm giác xúc giác khác nhau nghĩa là các vật liệu khác với nhau. Theo cấu tạo được mô tả trên đây, trong khi tích hợp thiết kế và đưa ra sự liên quan đến người sử dụng, người sử dụng có thể nhận biết rằng các vật liệu là khác với nhau do sự khác nhau về cảm giác xúc giác, và sự nhận thấy sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30.

Hơn nữa, theo phương án thực hiện sáng chế, phần hiển thị 80 có thể bao gồm phần hiển thị sau xử lý đặt trên chi tiết sau xử lý 30. Bằng cách bố trí phần hiển thị thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý trên chính bản thân chi tiết sau xử lý, chi tiết sau xử lý là đích thao tác có thể được thao tác thích hợp hơn. Ngoài ra, phần hiển thị sau xử lý có thể có thiết kế giống hoặc thiết kế khác với các phần hiển thị khác (phần hiển thị dạng tám 81, phần hiển thị tháo cánh 82, phần hiển thị thân chính 83, 84, và 84, và phần hiển thị vật chứa 88). Hơn nữa, màu của phần hiển thị sau xử lý và màu của các phần hiển thị khác có thể là màu của cùng số sắc độ hoặc màu của số sắc độ khác nhau trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald.

Màu của băng dính 45 và màu của chi tiết sau xử lý 30 có thể có sự khác biệt số sắc độ là 6 hoặc nhiều hơn trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc

độ Ostwald, và màu của băng dính 45 và màu của ít nhất phần của phần hiển thị 80 có thể có sự khác biệt số sắc độ là 6 hoặc nhiều hơn trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald. Khi chi tiết bao gói được mở, người sử dụng thao tác băng dính 45. Trong quá trình thao tác này, người sử dụng nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 và phần hiển thị 80. Tại thời điểm này, vì màu của băng dính 45 không gần với màu sắc của chi tiết sau xử lý 30 và phần hiển thị 80, người sử dụng có thể nhận biết rằng băng dính 45 không liên quan đến chi tiết sau xử lý 30 và phần hiển thị 80. Do đó, nhận ra sai lầm rằng đích thao tác được thể hiện trong phần hiển thị 80 là băng dính 45 hoặc tương tự có thể được ngăn chặn, và chi tiết sau xử lý 30 có thể được sử dụng phù hợp hơn.

Ở trạng thái tự nhiên của vật dụng thấm hút, độ nhám bề mặt của chi tiết sau xử lý 30 là thấp hơn so với độ nhám bề mặt của tấm dưới 22. Chi tiết sau xử lý 30 có cảm giác xúc giác nhẵn hơn tấm dưới 22 và có khả năng duy trì trạng thái nhẵn. Mặt khác, tấm dưới 22 được tạo thành để có độ nhám lớn hơn so với chi tiết sau xử lý 30, điều này gây khó khăn cho việc duy trì trạng thái nhẵn. Cụ thể, ở vật dụng thấm hút sau khi sử dụng, độ nhám trong tấm dưới 22 trở nên dễ thấy hơn. Do đó, người sử dụng dễ dàng nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 dựa trên cảm giác xúc giác khi chạm vào bề mặt không tiếp xúc với da của vật dụng thấm hút hoặc độ nhám biểu kiến. Cần lưu ý rằng, trong bản mô tả này, thuật ngữ "độ nhám bề mặt" đề cập đến độ nhám bề mặt của tấm, và có thể được đo dựa trên các trị số đặc trưng trong KES (Tài liệu tham khảo: Standardization and analysis of texture evaluation (Second edition), published by Kawabata Seiuro, July 10, 1980), được sản xuất bởi Kato Tech Corporation, thường được biết đến như một giá trị đặc trưng đại diện cho kết cấu của bề mặt của tấm. Cụ thể, phạm vi $1,0 \times 1,0$ cm được lấy mẫu trong mỗi mẫu, và mẫu được sắp xếp thử nghiệm đứng có một mặt phẳng kim loại nhẵn bằng cách sử dụng KES-FB4 được đo bởi Kato Tech Corporation. Độ nhám bề mặt được đo bằng cách áp dụng tải 10 gf lên bề mặt (hoặc bề mặt sau) và nén đầu tiếp xúc, có chiều rộng là 0,5 cm và được bố trí dây đàn piano có đường kính 0,5 mm được quấn quanh mẫu. Trong phép đo độ nhám bề mặt, mẫu được di chuyển theo phương nằm ngang 2 cm ở tốc độ không đổi là 0,1 cm/giây, và lực kéo đơn trục là 20 gf/cm được áp dụng cho mẫu. Độ nhám bề mặt có thể được tính toán từ kết quả đo.

Tiếp theo, chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100X theo phương án thứ hai sẽ được mô tả bằng cách tham chiếu đến FIG. 9 và 10. Ở đây, các thành phần

tương tự như trong phương án thứ nhất sẽ được chỉ định với các dấu hiệu tham chiếu giống như các dấu hiệu trong phương án thứ nhất và sẽ không được mô tả lại. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100X theo phương án thứ hai bao gồm vật dụng thấm hút 1X và tấm che 40X. Chi tiết sau xử lý 30X của vật dụng thấm hút 1X không được bố trí chi tiết móc và là chi tiết dạng tấm. Chi tiết sau xử lý 30X có phần được cố định 33 được cố định với tấm dưới 22, và phần không được cố định 32 được cấu tạo để tách biệt được so với tấm dưới 22. Phần không được cố định 32 là phần mà trong đó người sử dụng thao tác chi tiết sau xử lý 30 mà không được cố định với tấm dưới 22. Cụ thể hơn, khi chi tiết sau xử lý 30 được sử dụng, người sử dụng nhận biết phần không được cố định 32 và gấp ngược phần không được cố định với phần được cố định 33 làm điểm cơ bản, hoặc kéo dài phần không được cố định 32 và dán phần không được cố định 32 vào phần thân chính 20.

Như được thể hiện trong FIG. 10, tại thời điểm xử lý vật dụng thấm hút 1, chi tiết sau xử lý 30 có thể được cấu thành để được gắn chặt với phần thân chính 20 ở trạng thái trong đó phần thân chính được cuộn với phía bề mặt đối diện với da của vật dụng thấm hút được hướng về phía bên trong để duy trì trạng thái trong đó vật dụng thấm hút 1 được cuộn. Phần không được cố định 32 của chi tiết sau xử lý 30 của phương án hiện tại được cấu tạo để có thể gắn chặt với phần thân chính 20. Cấu tạo mà trong đó phần không được cố định 32 được gắn chặt với phần thân chính 20 có thể là phần kết dính thân chính 51 hoặc gắn chặt nghĩa là như chất kết dính hoặc chi tiết móc đặt trên chi tiết sau xử lý 30.

Phần hiển thị dạng tấm 81X của chi tiết bao gói 100X của phương án thứ hai được định vị trên tấm tháo 42X. Phần hiển thị dạng tấm 81X được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng, và được cấu tạo để có thể nhận biết bằng mắt thông qua tấm bao gói riêng 41X. Cũng với cấu tạo này, người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị dạng tấm 81 ở trạng thái được đóng gói riêng, và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30. Do đó, người sử dụng có thể sử dụng thích hợp chi tiết sau xử lý 30 và xử lý chi tiết sau xử lý 30 sạch sẽ ở trạng thái được cuộn nhờ chi tiết sau xử lý 30.

Chi tiết bao gói 100X của phương án thứ hai có thể có phần hiển thị thân chính được bố trí trong phần thân chính 20X. Phần hiển thị thân chính có thể có ít nhất một trong số phần hiển thị thân chính thứ nhất 84 được bố trí trong vùng phía sau S31 ở giữa mép đầu sau 20R và nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 của phần thân

chính 20, phần hiển thị thân chính thứ hai 85 được bố trí trong vùng phía trước S11 ở giữa mép đầu trước 20F và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 của phần thân chính 20, và phần hiển thị thân chính thứ ba 83 được bố trí trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần cánh.

Phần hiển thị thân chính thứ nhất 84 được định vị trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau S31, và phần hiển thị thân chính thứ hai 85 được định vị trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía trước S11. Trong quá trình mở chi tiết bao gói từ trạng thái được đóng gói riêng, phần thân chính 20 ở trạng thái được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW 1 làm điểm cơ bản hoặc ở trạng thái được gấp với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW 2 làm điểm cơ bản. Tại thời điểm này, bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía trước S11 hoặc bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau S31 được hướng về người sử dụng. Người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị thân chính trong quá trình mở chi tiết bao gói và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30X.

Hơn nữa, khi việc xử lý phần thân chính 20, phần thân chính thường được cuộn theo hướng chiều dọc. Tại thời điểm này, người sử dụng có xu hướng gấp bề mặt (bề mặt đối diện với da) mà phần chất thải bị dính vào đó, với bề mặt được hướng về phía bên trong. Phần thân chính được bố trí lần xếp được tạo thành bởi nếp gấp chiều rộng thứ nhất và nếp gấp chiều rộng thứ hai, và người sử dụng có thể cuộn phần thân chính ở trạng thái trong đó ít nhất một trong số vùng phía trước và vùng phía sau được gấp nhờ các lần xếp. Tại thời điểm này, phần hiển thị thân chính được định vị trên ít nhất một trong số bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía trước và bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau, và người sử dụng có thể nhận biết thao tác tại thời điểm xử lý với phần hiển thị thân chính trong quá trình cuộn phần thân chính tại thời điểm xử lý.

Phần hiển thị thân chính thứ ba 83 được định vị trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của cánh 25 đóng vai trò làm phần cánh. Trong quá trình mở chi tiết bao gói, chi tiết bao gói 100X ở trạng thái không gấp dạng tấm. Ở trạng thái không gấp dạng tấm, các cánh 25 được gấp với các nếp gấp gấp trước sau FL làm các điểm cơ bản, và bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của các cánh 25 được bố trí đối diện người sử dụng. Ở trạng thái không gấp dạng tấm, người sử dụng thực hiện thao tác gỡ cánh tấm tháo làm cho người sử dụng dễ nhận biết bằng mắt bề mặt đối diện

không tiếp xúc với da của cánh 25. Người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị thân chính thứ ba 83 trong quá trình mở của chi tiết bao gói 100X và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30X.

Tiếp theo, chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút 100Y theo phương án thứ ba sẽ được mô tả bằng cách tham chiếu đến FIG. 11 và 12. Phần hiển thị 80Y của chi tiết bao gói 100X của phương án thứ ba được bố trí đối diện bề mặt ngoài của chi tiết bao gói 100X ở trạng thái không gấp trong đó vật dụng thẩm hút 1Y và tấm che 40Y không được gấp từ trạng thái được đóng gói riêng với các nếp gấp làm các điểm cơ bản. Ở đây, trạng thái không gấp là trạng thái không được gấp từ trạng thái được đóng gói riêng với bất kỳ trong số các nếp gấp làm điểm cơ bản, và bao gồm trạng thái không gấp thứ nhất, trạng thái không gấp thứ hai, và trạng thái không gấp dạng tấm. Cần lưu ý rằng trạng thái không gấp thứ hai theo phương án thực hiện sáng chế có thể là trạng thái trong đó mép đầu sau của vật dụng thẩm hút 1 không được gấp hướng về phía bên ngoài theo hướng trước sau L từ trạng thái không gấp dạng tấm với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ bản. Khi vật dụng thẩm hút được sử dụng, người sử dụng cầm chi tiết bao gói ở trạng thái được đóng gói riêng trong tay, không gấp chi tiết bao gói từ trạng thái được đóng gói riêng với các nếp gấp làm các điểm cơ bản, và gỡ vật dụng thẩm hút khỏi tấm che. Cụ thể, vật dụng thẩm hút 1Y và tấm che 40Y không được gấp từ trạng thái được đóng gói riêng với nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2 làm điểm cơ bản là ở trạng thái không gấp thứ hai. FIG. 11 thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút 100Y theo phương án thứ ba ở trạng thái không gấp thứ hai. Tiếp theo, vật dụng thẩm hút 1Y và tấm che 40Y không được gấp từ trạng thái không gấp thứ hai với nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 làm điểm cơ bản là ở trạng thái không gấp dạng tấm. FIG. 12 thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút 100Y theo phương án thứ ba ở trạng thái không gấp dạng tấm.

Ở trạng thái không gấp thứ hai được thể hiện trong FIG. 11, phần hiển thị 80Y của phương án thứ ba có ít nhất một trong số phần hiển thị dạng tấm 81Y đặt trên tấm bao gói riêng 41Y làm tấm che 40Y và phần hiển thị thân chính thứ tư 84Y đặt trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau S31 của phần thân chính 20. Phần hiển thị dạng tấm 81Y được đặt trong mỗi trong số vùng mà không xếp chồng lên phần được gấp ngược thứ nhất R41 được gấp bởi nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 và phần được gấp ngược thứ nhất R41 được gấp bởi nếp gấp chiều

rộng thứ nhất FW1. Phần hiển thị dạng tấm 81Y được đặt trong phần được gấp ngược thứ nhất R41 có thể được đặt trong vùng được che bằng phần được gấp ngược thứ hai R42 ở trạng thái được đóng gói riêng, hoặc có thể được đặt trong vùng không được che bằng phần được gấp ngược thứ hai R42 ở trạng thái được đóng gói riêng. Phần hiển thị thân chính thứ tư 84Y được định vị trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính 20, và có thể được cấu tạo để có thể nhận biết bằng mắt từ phía bên ngoài của chi tiết bao gói thông qua tấm che 40Y ở trạng thái không gấp thứ hai. Phần hiển thị dạng tấm 81Y và phần hiển thị thân chính thứ tư 84Y là có thể nhận biết bằng mắt từ phía bên ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái không gấp thứ hai. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100Y của phương án thứ ba không bao gồm tấm tháo, và tấm che 40Y được cấu tạo bằng chỉ tấm bao gói riêng 41Y. Theo cấu tạo được mô tả trên đây, sự truyền ánh sáng của tấm che trở nên cao so với cấu tạo có tấm tháo, và phần hiển thị thân chính được nhận biết bằng mắt thông qua tấm che 40Y. Ngoài ra, chi tiết sau xử lý 30Y dễ được nhận biết bằng mắt thông qua tấm che 40Y, và sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30Y dễ dàng được nhận biết ở trạng thái được đóng gói riêng. Cần lưu ý rằng, theo phương án trong đó tấm tháo không được bố trí, ưu tiên là tấm bao gói riêng 41Y được tạo ra từ vật liệu không dễ giữ nhờ chi tiết móc 31 của chi tiết sau xử lý 30Y, và có thể là, ví dụ, màng.

Hơn nữa, ở trạng thái không gấp dạng tấm được thể hiện trong FIG. 12, phần hiển thị 80Y của phương án thứ ba có ít nhất một trong số phần hiển thị dạng tấm 81Y được bố trí trên tấm bao gói riêng 41Y làm tấm che 40Y; phần hiển thị tháo cánh 82Y được bố trí trên tấm tháo cánh 43; và phần hiển thị thân chính thứ ba 83Y được bố trí trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần cánh. Phần hiển thị dạng tấm 81Y được đặt ở các vùng mà được gấp với các nếp gấp gấp trước sau FL làm các điểm cơ bản và không xếp chồng lên các cánh 25, và được đặt trong vùng mà không xếp chồng lên vật dụng thấm hút 1Y. Ở trạng thái không gấp dạng tấm, phần hiển thị dạng tấm 81Y có thể được đặt trong ít nhất bất kỳ trong số các vùng sau đây: vùng ở giữa mép đầu trước của tấm bao gói riêng 41Y và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2, vùng ở giữa nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1 và nếp gấp chiều rộng thứ hai FW2, và vùng ở giữa mép đầu sau của tấm bao gói riêng 41Y và nếp gấp chiều rộng thứ nhất FW1. Phần hiển thị thân chính thứ ba 83Y được định vị trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính 20, và có thể được cấu tạo để có thể nhận biết bằng mắt từ phía bên ngoài của chi tiết bao gói thông qua tấm

tháo cánh 43 ở trạng thái không gấp dạng tấm. Phần hiển thị dạng tấm 81Y, phần hiển thị tháo cánh 82Y, và phần hiển thị thân chính thứ ba 83Y là có thể nhận biết bằng mắt từ phía bên ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái không gấp dạng tấm.

Theo chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100Y theo phương án thứ ba được cấu tạo như được mô tả trên đây, khi người sử dụng thực hiện thao tác từ trạng thái được đóng gói riêng đối với trạng thái không gấp, phần hiển thị 80Y có thể được nhận biết bằng mắt, và nhận biết được phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30. Do đó, người sử dụng có thể sử dụng thích hợp chi tiết sau xử lý 30 và việc xử lý chi tiết sau xử lý 30 sạch ở trạng thái được cuộn nhờ chi tiết sau xử lý.

Tiếp theo, chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100Z theo phương án thứ tư sẽ được mô tả bằng cách tham chiếu đến FIG. 13. FIG. 13 là hình phối cảnh lắp thể hiện chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ tư khi được nhìn từ phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100Z của phương án thứ tư không bao gồm tấm tháo, và tấm che 40Z được cấu tạo bằng chỉ tấm bao gói riêng 41Z. Vật dụng thấm hút 1Z theo phương án thứ tư không có các cánh và tấm tháo cánh. Chi tiết sau xử lý 30Z theo phương án thứ tư không bao gồm chi tiết móc và là chi tiết dạng tấm. Phần của chi tiết sau xử lý 30Z không được cố định với phần thân chính, và được cấu tạo để có khả năng được cố định với phần kết dính thân chính 51Z tại thời điểm xử lý của vật dụng thấm hút 1. Phần hiển thị của phương án thứ tư có phần hiển thị thân chính 86Z đặt trên bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính 20Z. Phần hiển thị thân chính 86Z được đặt trong vùng mà không xếp chồng lên phần kết dính thân chính 51Z và vùng mà xếp chồng phần kết dính thân chính 51Z. Theo chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút 100Z theo phương án thứ tư, so với phương án có tấm tháo, sự truyền ánh sáng của tấm che trở nên cao, và phần hiển thị thân chính 86Z được nhận biết bằng mắt thông qua tấm che 40Y. Ngoài ra, chi tiết sau xử lý 30Z dễ được nhận biết bằng mắt thông qua tấm che 40Y, và sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30Z được nhận biết dễ dàng ở trạng thái được đóng gói riêng. Cần lưu ý rằng, Theo phương án trong đó tấm tháo không được bố trí, ưu tiên là tấm bao gói riêng 41Z được tạo ra từ vật liệu mà che phần kết dính thân chính 51Z có thể tháo được, và có thể là, ví dụ, màng.

Tiếp theo, chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án thứ năm sẽ được mô tả. Ở chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo phương án

thứ năm, ở trạng thái được đóng gói riêng trước khi sử dụng, vật dụng thấm hút và tấm che đều được gấp bằng các nếp gấp trước sau và nếp gấp chiều rộng làm các điểm cơ bản. Cụ thể hơn, ở trạng thái không gấp thứ nhất trong đó vật dụng thấm hút được bố trí ở tấm che, tấm che và vật dụng thấm hút được gấp với cặp nếp gấp trước sau mà được đặt cách nhau theo hướng chiều rộng và kéo dài theo hướng trước sau, làm các điểm cơ bản. Tiếp theo, ở trạng thái trong đó tấm che và vật dụng thấm hút được gấp với cặp các nếp gấp trước sau, làm các điểm cơ bản, tấm che và vật dụng thấm hút được gấp với cặp nếp gấp chiều rộng mà được đặt cách nhau theo hướng trước sau và kéo dài theo hướng chiều rộng, làm các điểm cơ bản. Khi chi tiết bao gói được gấp không được gấp theo cách này, chi tiết bao gói không được gấp với nếp gấp chiều rộng làm các điểm cơ bản, và sau đó không được gấp với các nếp gấp trước sau làm các điểm cơ bản. Ở trạng thái trong đó tấm che và vật dụng thấm hút được gấp với cặp các nếp gấp trước sau làm các điểm cơ bản (trạng thái mà trong đó tấm che và vật dụng thấm hút không được gấp với nếp gấp chiều rộng làm các điểm cơ bản), các tấm che được gấp có thể xếp chồng một phần lên nhau, và phần hiển thị dạng tấm được đặt trong các tấm che được gấp. Theo khía cạnh được mô tả trên đây, người sử dụng có thể nhận biết bằng mắt phần hiển thị dạng tấm ở trạng thái trong đó tấm che và vật dụng thấm hút được gấp với cặp các nếp gấp trước sau làm các điểm cơ bản (trạng thái mà trong đó tấm che và vật dụng thấm hút không được gấp với nếp gấp chiều rộng làm các điểm cơ bản), trong quá trình không gấp từ trạng thái được đóng gói riêng, phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý có thể được nhận biết. Ví dụ, Theo phương án trong đó vật dụng thấm hút được gấp với các nếp gấp gấp trước sau làm các điểm cơ bản sao cho phía bề mặt da của vật dụng thấm hút đối diện với nhau, tấm che được gấp với các nếp gấp gấp trước sau làm các điểm cơ bản được định vị ở phía bề mặt da so với lõi thấm hút và ở phía đối diện với chi tiết sau xử lý. Theo phương án này, ở trạng thái trong đó chi tiết bao gói được gấp với cặp các nếp gấp trước sau làm các điểm cơ bản (trạng thái mà trong đó chi tiết bao gói không được gấp với nếp gấp chiều rộng làm các điểm cơ bản), có trường hợp mà trong đó người sử dụng không thể nhận biết bằng mắt chi tiết sau xử lý. Tuy nhiên, thậm chí trong trường hợp trong đó sự có mặt của chi tiết sau xử lý không nhận biết được bằng cảm quan, sự có mặt của chi tiết sau xử lý có thể được nhận biết bằng phần hiển thị dạng tấm tại thời điểm mở.

Tiếp theo, vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút 110 sẽ được mô tả bằng

cách tham chiếu đến FIG. 14. Vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút 110 bao gồm nhiều chi tiết bao gói cho vật dụng thấm hút 100, và túi chứa 120 mà chứa nhiều chi tiết bao gói cho vật dụng thấm hút được phủ theo hướng chiều dày T. Túi chứa có phần hiển thị vật chứa 88 mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý 30. Ít nhất phần của chi tiết sau xử lý 30 được bố trí trong vùng mà không xếp chồng lên phần hiển thị vật chứa 88. Khi người sử dụng nhận biết bằng mắt phần hiển thị vật chứa 88, thậm chí ở trạng thái trong đó chi tiết bao gói 100 được chứa trong túi chứa 120, người sử dụng có thể nhận biết sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30 và phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý. Ngoài ra, vì ít nhất phần của chi tiết sau xử lý 30 không xếp chồng lên chi tiết sau xử lý 30, mỗi trong số phần hiển thị vật chứa 88 và chi tiết sau xử lý 30 dễ dàng được nhận biết từ phía ngoài của vật chứa 110. Do đó, người sử dụng nhận thấy dễ dàng hơn sự có mặt của chi tiết sau xử lý 30, và dễ dàng nhận biết vị trí của chi tiết sau xử lý 30. Do đó, người sử dụng có thể xử lý sạch sẽ vật dụng thấm hút ở trạng thái trong đó vật dụng thấm hút được cuộn bởi chi tiết sau xử lý 30 bằng cách sử dụng chi tiết sau xử lý 30 thích hợp.

Hơn nữa, lõi thấm hút 23 của phần thân chính 20 có thể được gấp với cặp các nếp gấp trước sau FL mà kéo dài theo hướng trước sau và được bố trí cách xa nhau theo hướng chiều rộng, làm các điểm cơ bản. Chi tiết sau xử lý 30 có thể được bố trí trong vùng mà không xếp chồng lên lõi thấm hút được gấp ở trạng thái được gấp với cặp các nếp gấp trước sau làm các điểm cơ bản. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút được chứa trong túi chứa ở trạng thái được phủ theo hướng chiều dày trước khi sử dụng, và được ép theo hướng chiều dày. Tại thời điểm này, ở vùng trong đó lõi thấm hút được gấp được bố trí, lõi thấm hút có hai lớp, và lõi thấm hút được gấp được nén nhiều hơn so với vùng trong đó lõi thấm hút được gấp không được bố trí. Mặt khác, vùng mà trong đó lõi thấm hút được gấp không được bố trí ít có khả năng bị ép. Vì chi tiết sau xử lý được bố trí ở vùng trong đó lõi thấm hút được gấp không được bố trí, phá hỏng của chi tiết sau xử lý do ép có thể được ngăn chặn. Do đó, người sử dụng có thể xử lý sạch sẽ vật dụng thấm hút bằng cách sử dụng chi tiết sau xử lý tại thời điểm xử lý.

Cho đến nay, sáng chế đã được mô tả chi tiết bằng cách sử dụng phương án được mô tả ở trên, nhưng đối với những người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực này, rõ ràng là sáng chế không giới hạn ở các phương án được mô tả trong đặc điểm kỹ thuật này. Sáng chế có thể được thực hiện như một khía cạnh hiệu chỉnh và sửa

đổi trong ý chính và phạm vi của sáng chế được xác định nhờ mô tả trong các yêu cầu. Do đó, mô tả của thông số kỹ thuật hiện tại là nhằm mục đích mô tả mẫu mực và không có bất kỳ phương tiện nào hạn chế sáng chế hiện tại theo bất kỳ hình thức nào.

Khả năng ứng dụng trong công nghiệp

Theo khía cạnh hiện tại, chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút mà có thể được xử lý sạch sẽ ở trạng thái người sử dụng thích hợp sử dụng chi tiết sau xử lý và cuộn vật dụng thấm hút bằng chi tiết sau xử lý, và vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút có thể được đề xuất.

Cần lưu ý rằng toàn bộ nội dung của đơn đăng ký sáng chế Trung Quốc số 201911125936.6 nộp vào ngày 18 tháng 11 năm 2019, được đưa vào thông số kỹ thuật hiện tại bằng cách tham khảo.

Danh sách ký hiệu chỉ dẫn

1, 1X, 1Y, 1Z: Vật dụng thấm hút, 20, 20X: Phần thân chính, 21: tấm trên, 22: tấm dưới, 23: Lõi thấm hút, 30, 30X, 30Y, 30Z: Chi tiết sau xử lý, 31: chi tiết móc, 311: Phần trục, 312: Phần hình ô, 35: Tấm nền, 40, 40X, 40Y, 40Z: Tấm che, 41, 41X, 41Y, 41Z: Tấm bao gói riêng, 42, 42X: Tấm tháo, 43: tấm tháo cánh, 80, 80X: Phần hiển thị, 81, 81X, 81Y: Phần hiển thị dạng tấm, 82, 82X: Phần hiển thị tháo cánh, 83, 83X, 84, 84Y, 86Z: Phần hiển thị thân chính, 88: Phần hiển thị vật chứa, 100, 100X, 100Y, 100Z: Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút, 110: Vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút, L: hướng trước sau, W: Hướng chiều rộng

Yêu cầu bảo hộ

1. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút bao gồm:
 vật dụng thẩm hút có
 hướng trước sau,
 hướng chiều rộng vuông góc với hướng trước sau,
 phần thân chính có tấm trên, tấm dưới, và lõi thẩm hút, và
 chi tiết sau xử lý mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của
 phần thân chính; và
 tấm che mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng
 thẩm hút và che chi tiết sau xử lý, trong đó
 chi tiết bao gói bao gồm phần hiển thị mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết
 sau xử lý,
 phần hiển thị có phần hiển thị dạng tấm mà được đặt trên tấm che, và
 ở trạng thái được đóng gói riêng trong đó vật dụng thẩm hút được đóng gói riêng
 bởi tấm che, chi tiết sau xử lý và phần hiển thị dạng tấm được bố trí đối diện bề
 mặt bên ngoài của chi tiết bao gói.
2. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút theo điểm 1,
 trong đó tấm che được gấp bằng nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản ở trạng thái
 được đóng gói riêng để có nhiều phần gấp ngược mà được gấp với các nếp gấp
 làm các điểm cơ bản,
 ở trạng thái được đóng gói riêng, chi tiết bao gói bao gồm bề mặt hở mà trên đó
 phần gấp ngược được đặt ở phía ngoài cùng trong số các phần gấp ngược được
 bố trí, và
 phần hiển thị dạng tấm được định vị trên tấm che trên bề mặt hở.
3. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút theo điểm 2, còn bao gồm:
 bề mặt không hở ở phía đối diện với bề mặt hở ở trạng thái được đóng gói riêng,
 trong đó chi tiết sau xử lý được định vị quay về bề mặt không hở ở trạng thái
 được đóng gói riêng.
4. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thẩm hút theo điểm 3, còn bao gồm:
 bề mặt không hở ở phía đối diện với bề mặt hở ở trạng thái được đóng gói riêng,

trong đó trên một bề mặt của bề mặt hở và bề mặt không hở của chi tiết bao gói, chi tiết sau xử lý và phần hiển thị dạng tấm được bố trí đối diện với nhau.

5. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4,
trong đó phần thân chính có phần cánh mà kéo dài về phía ngoài theo hướng chiều rộng so với lõi thấm hút,
trong chi tiết bao gói, ở trạng thái tấm không được gấp, tấm che không được gấp, và phần cánh được gấp sao cho phía bề mặt đối diện với da của phần thân chính đối diện với nhau,
phần hiển thị có phần hiển thị thân chính được bố trí trong phần thân chính, và phần hiển thị thân chính được bố trí ở bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần cánh.
6. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 5,
trong đó phần thân chính có cặp phần cánh mà kéo dài về hai phía theo hướng chiều rộng so với lõi thấm hút, và phần kết dính để liên kết phần thân chính với vật dụng mặc,
phần kết dính có cặp phần kết dính cánh để liên kết cặp phần cánh với vật dụng mặc,
ở chi tiết bao gói, ở trạng thái tấm không được gấp, tấm che không được gấp, và phần cánh được gấp sao cho phía bề mặt đối diện với da của phần thân chính đối diện với nhau,
chi tiết bao gói có tấm tháo cánh mà che cặp phần kết dính cánh ở trạng thái trong đó cặp của phần cánh được gấp, và phần hiển thị có phần hiển thị tháo cánh được bố trí trên tấm tháo cánh.
7. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 6,
trong đó ở trạng thái được đóng gói riêng, phần thân chính được gấp sao cho phía bề mặt đối diện với da đối diện với nhau có nhiều nếp gấp kéo dài theo hướng chiều rộng làm các điểm cơ bản,
nhiều nếp gấp có nếp gấp chiều rộng thứ nhất mà được bố trí ở phía mép đầu sau

của phần thân chính, và nếp gấp chiều rộng thứ hai mà được bố trí ở phía mép đầu trước của phần thân chính, phần hiển thị có phần hiển thị thân chính mà được bố trí ở phần thân chính, và phần hiển thị thân chính được bố trí trên ít nhất một trong số bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía sau ở giữa mép đầu sau của phần thân chính và nếp gấp chiều rộng thứ nhất, và bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vùng phía trước ở giữa mép đầu trước của phần thân chính và nếp gấp chiều rộng thứ hai.

8. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 7, trong đó màu của ít nhất phần của phần hiển thị và màu của chi tiết sau xử lý có cùng một số sắc độ hoặc có sự khác biệt số sắc độ trong vòng 5 trong bảng màu 24 màu được phân loại theo vòng tròn sắc độ Ostwald.
9. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 8, trong đó tấm che được gấp bằng nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản ở trạng thái được đóng gói riêng để có nhiều phần được gấp ngược mà được gấp với các nếp gấp làm các điểm cơ bản, phần được gấp ngược được đặt ở phía ngoài cùng trong số các phần gấp ngược được liên kết với tấm che mà xếp chồng phần gấp ngược bằng băng dính ở trạng thái được đóng gói riêng, màu của băng dính và màu của chi tiết sau xử lý có sự khác biệt số sắc độ là 6 hoặc nhiều hơn trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald, và màu của băng dính và màu của ít nhất phần của phần hiển thị có sự khác biệt số sắc độ là 6 hoặc nhiều hơn trong bảng 24 màu được phân loại bởi vòng tròn sắc độ Ostwald.
10. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 9, trong đó tấm che có tấm bao gói riêng mà bao gói riêng vật dụng thấm hút,

chi tiết sau xử lý được tạo màu, và
chiều dày của chi tiết sau xử lý là lớn hơn so với chiều dày của tấm bao gói riêng.

11. Chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm:

vật dụng thấm hút có

hướng trước sau, và

hướng chiều rộng vuông góc với hướng trước sau, và bao gồm

phần thân chính có tấm trên, tấm dưới, và lõi thấm hút, và

chi tiết sau xử lý mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của phần thân chính; và

tấm che mà được bố trí ở phía bề mặt đối diện không tiếp xúc với da của vật dụng thấm hút và che chi tiết sau xử lý, vật dụng thấm hút và tấm che được gấp có nhiều nếp gấp làm các điểm cơ bản là ở trạng thái được đóng gói riêng trong đó vật dụng thấm hút được đóng gói riêng bởi tấm che; và

phần hiển thị mà thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý,

trong đó phần hiển thị được bố trí đối diện bề mặt bên ngoài của chi tiết bao gói ở trạng thái không gấp trong đó vật dụng thấm hút và tấm che không được gấp bằng các nếp gấp làm các điểm cơ bản từ trạng thái được đóng gói riêng.

12. Vật chứa dùng cho vật dụng thấm hút bao gồm:

chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 11; và

túi chứa dùng cho vật dụng thấm hút mà chứa nhiều chi tiết bao gói dùng cho vật dụng thấm hút được phủ theo hướng chiều dày,

trong đó túi chứa có phần hiển thị vật chứa thể hiện phương pháp sử dụng chi tiết sau xử lý, và

ít nhất phần của chi tiết sau xử lý được bố trí trong vùng mà không xếp chồng lên phần hiển thị vật chứa.

FIG. 1

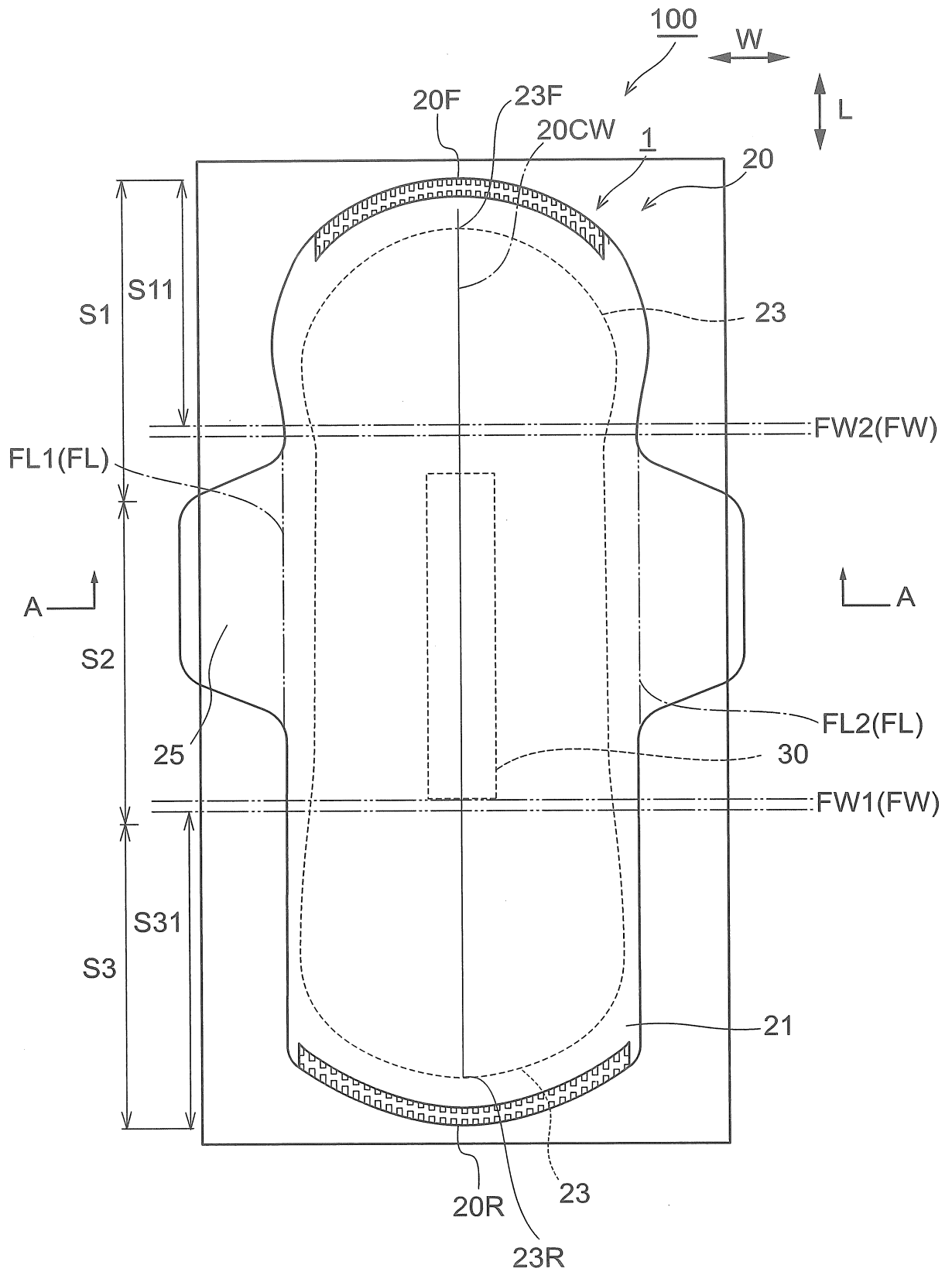


FIG. 2

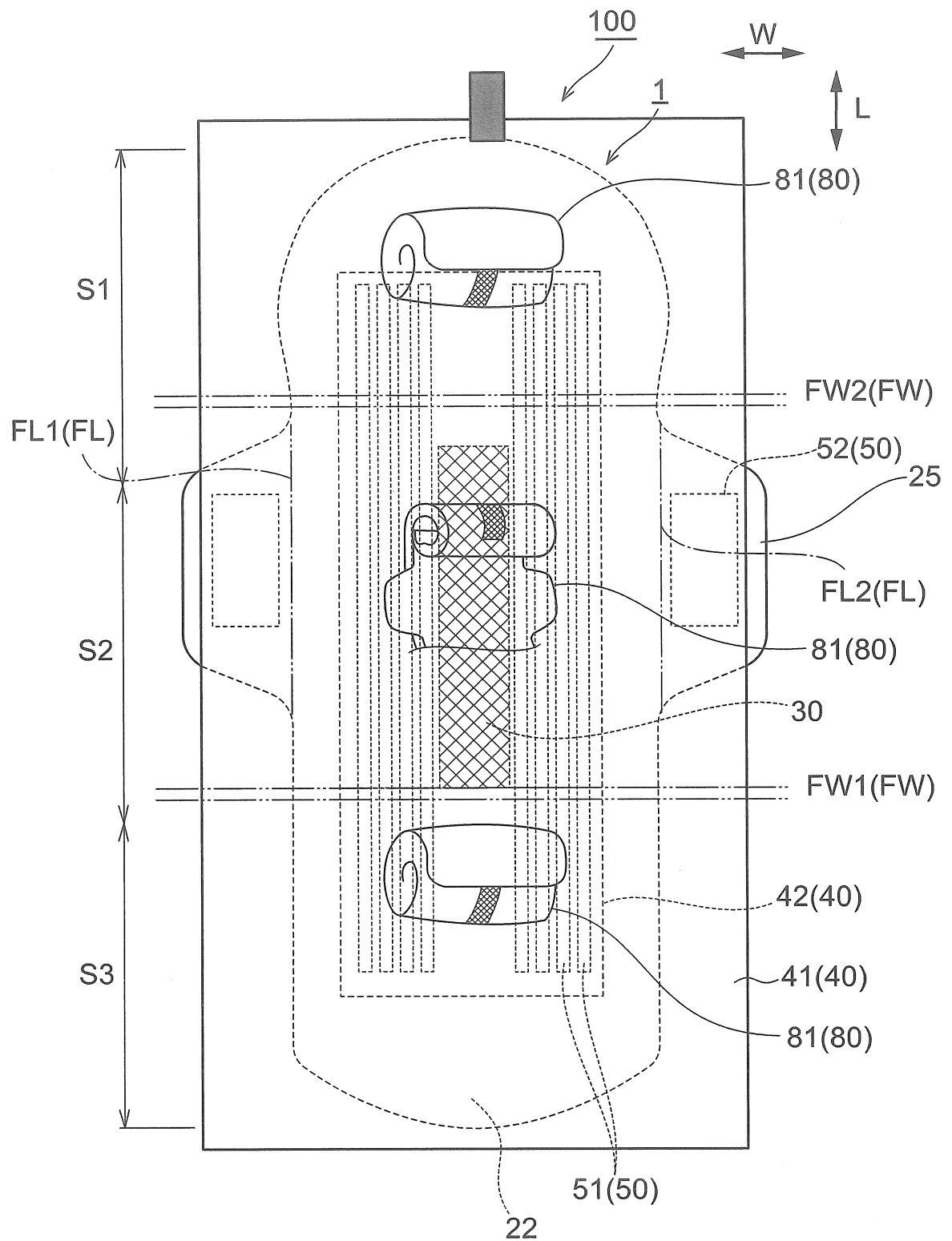


FIG. 3

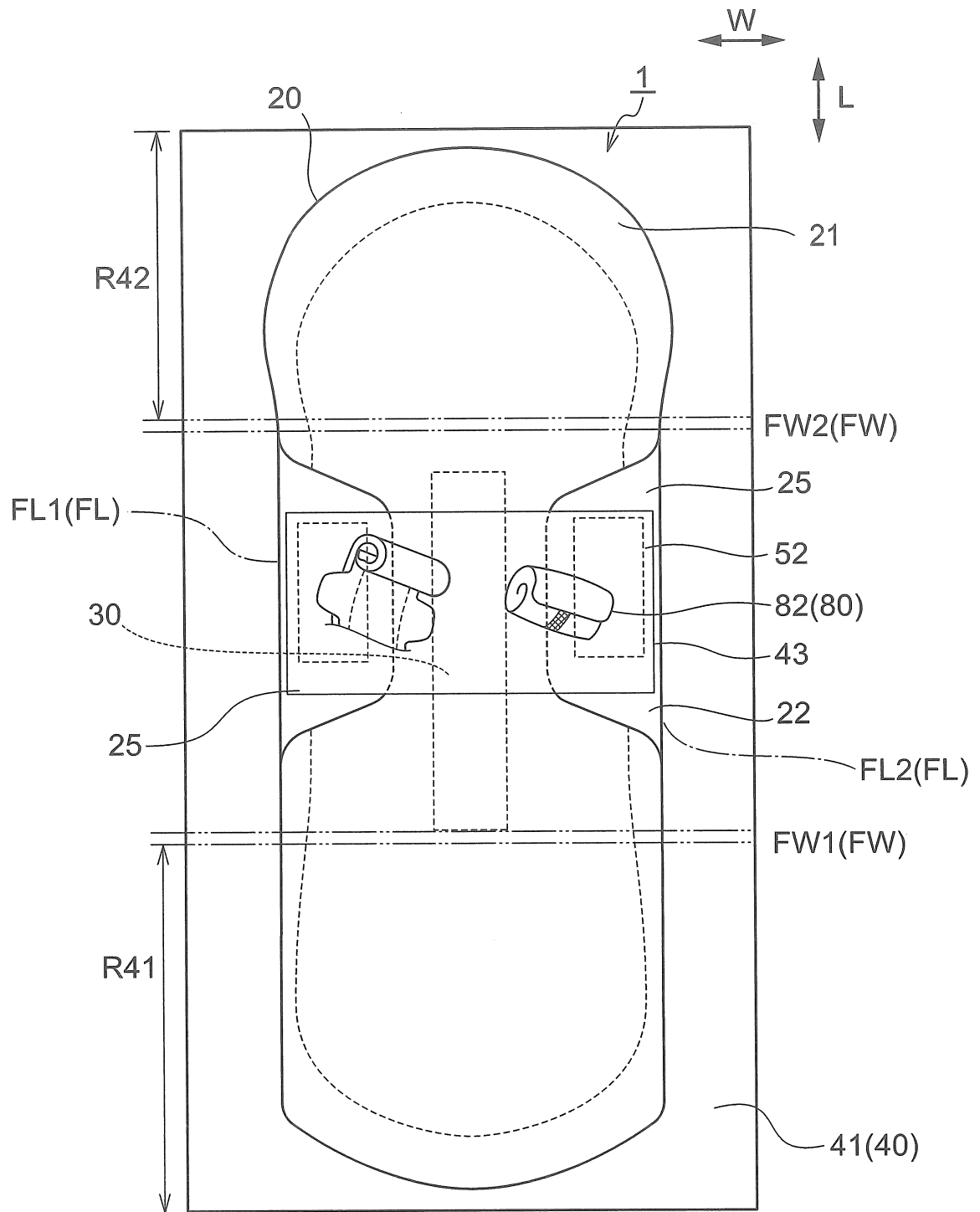


FIG. 4

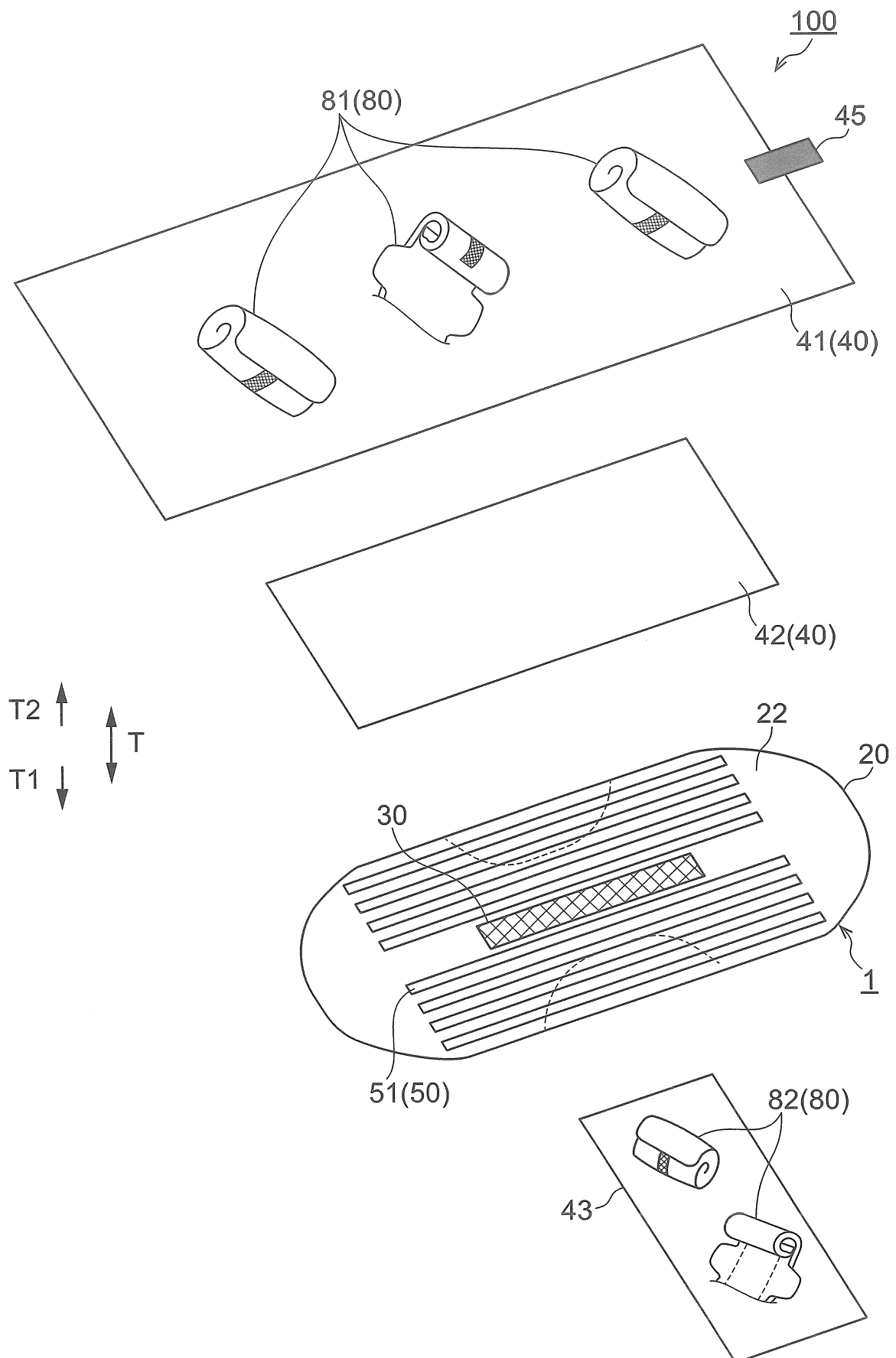


FIG. 5

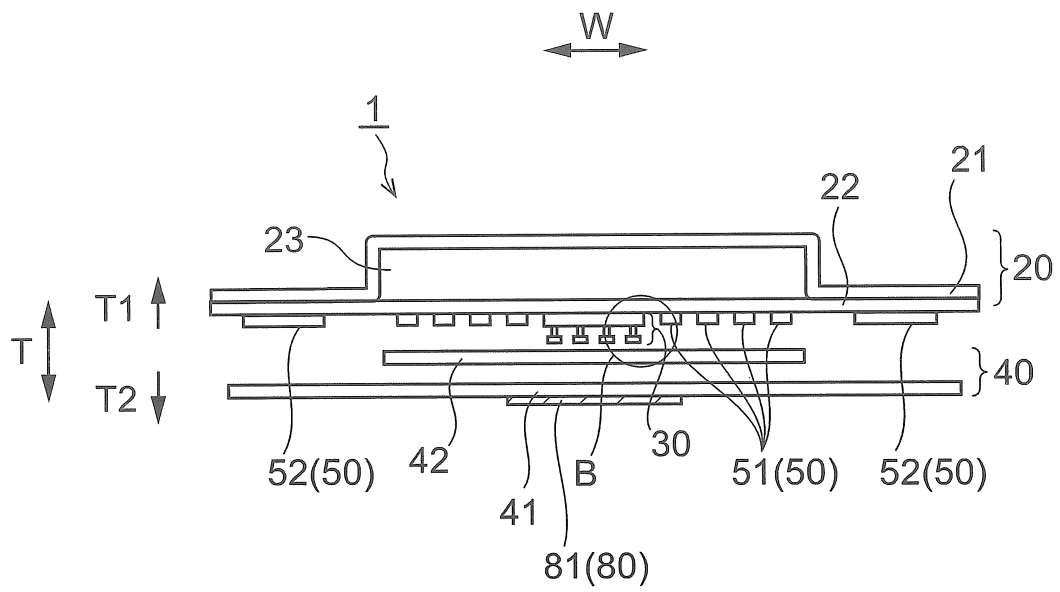


FIG. 6

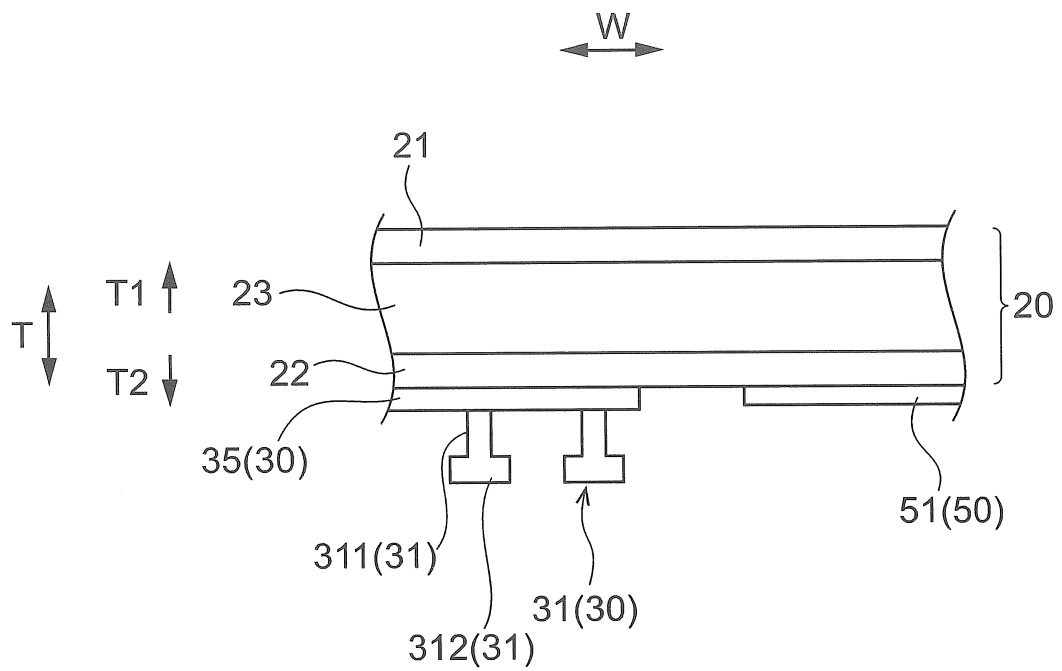
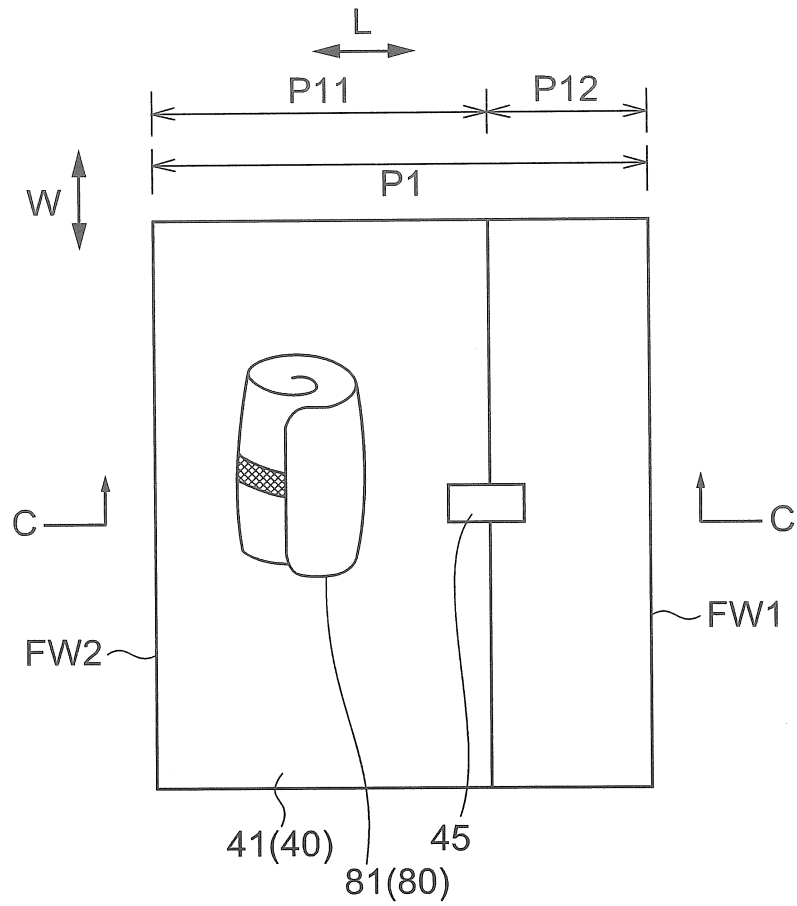


FIG. 7

(a)



(b)

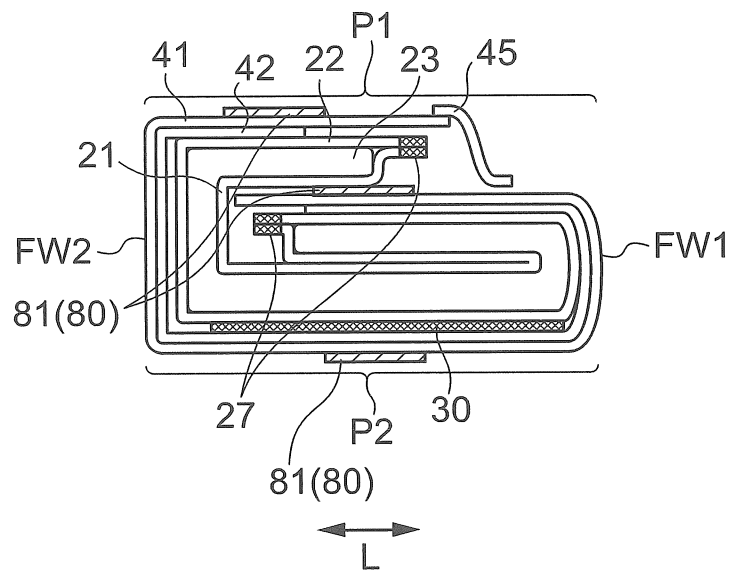


FIG. 8

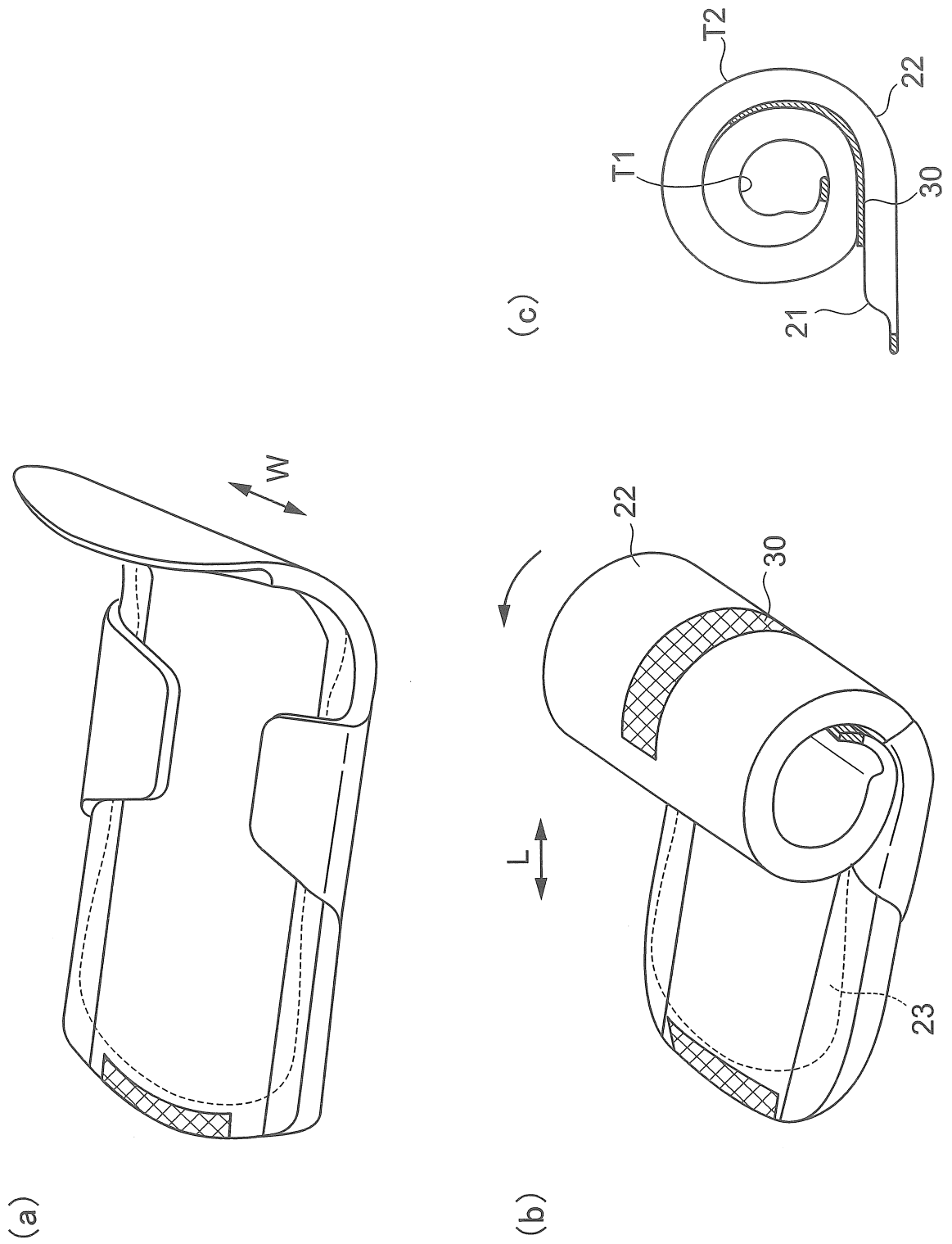


FIG. 9

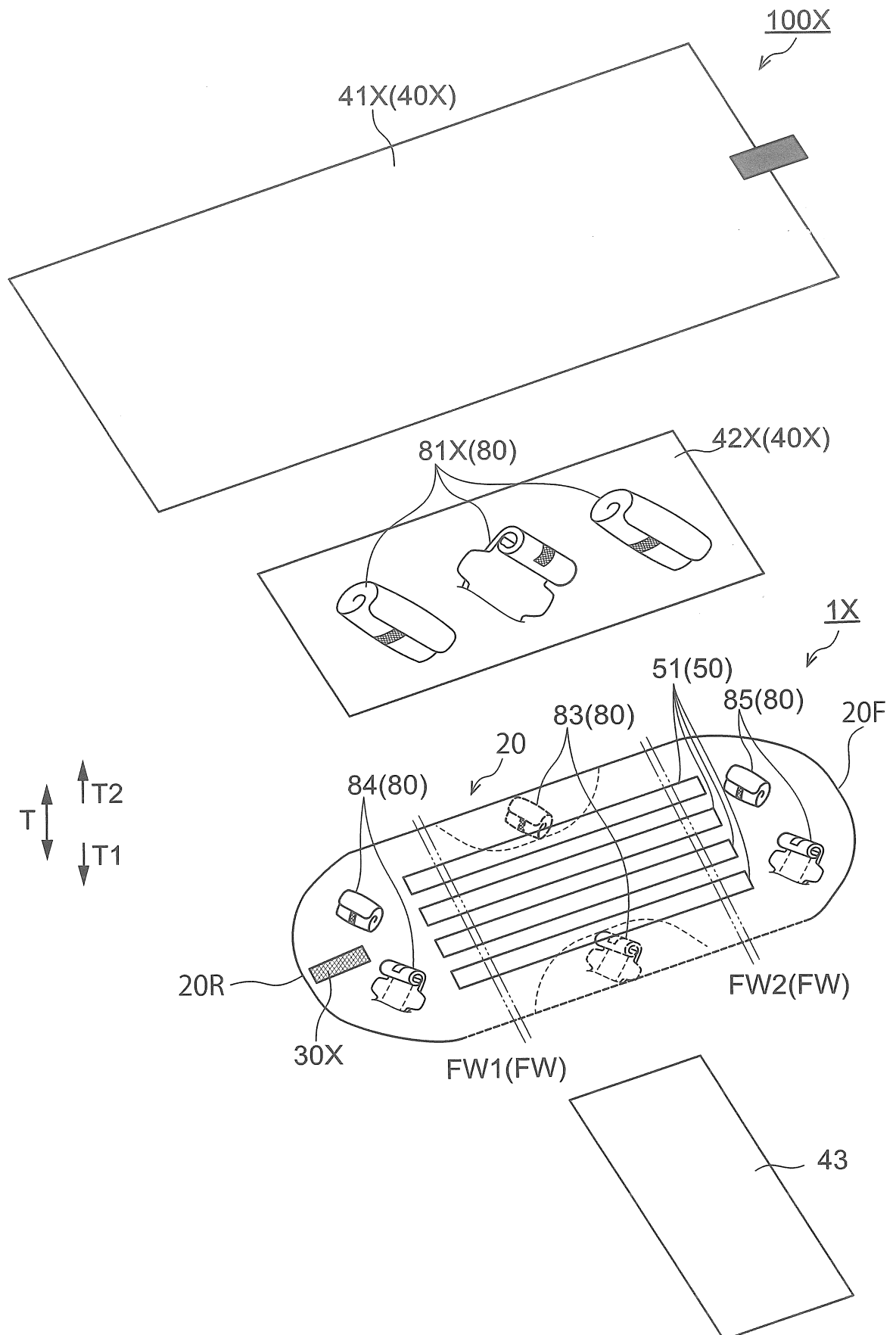


FIG. 10

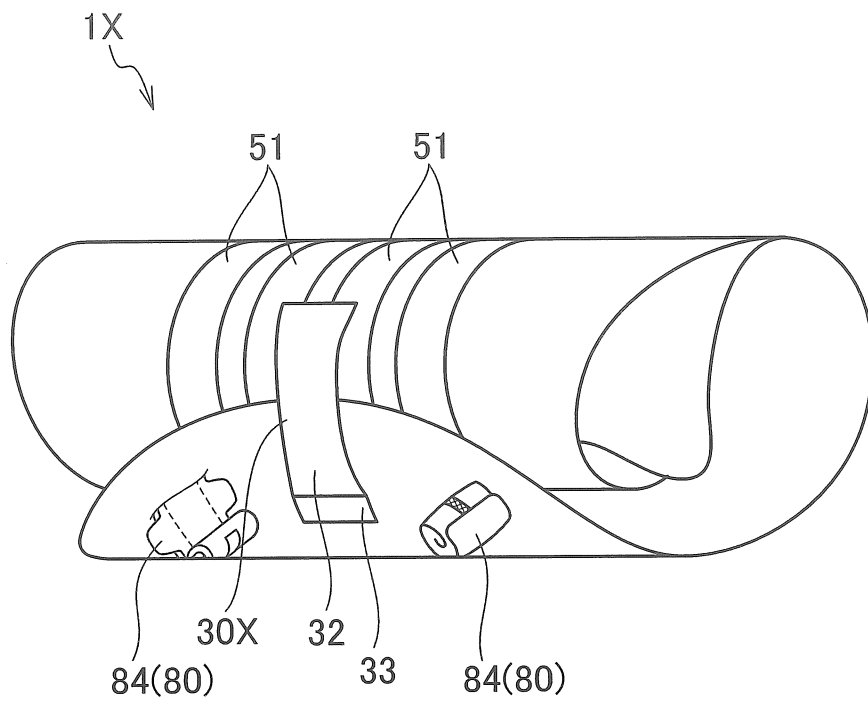


FIG. 11

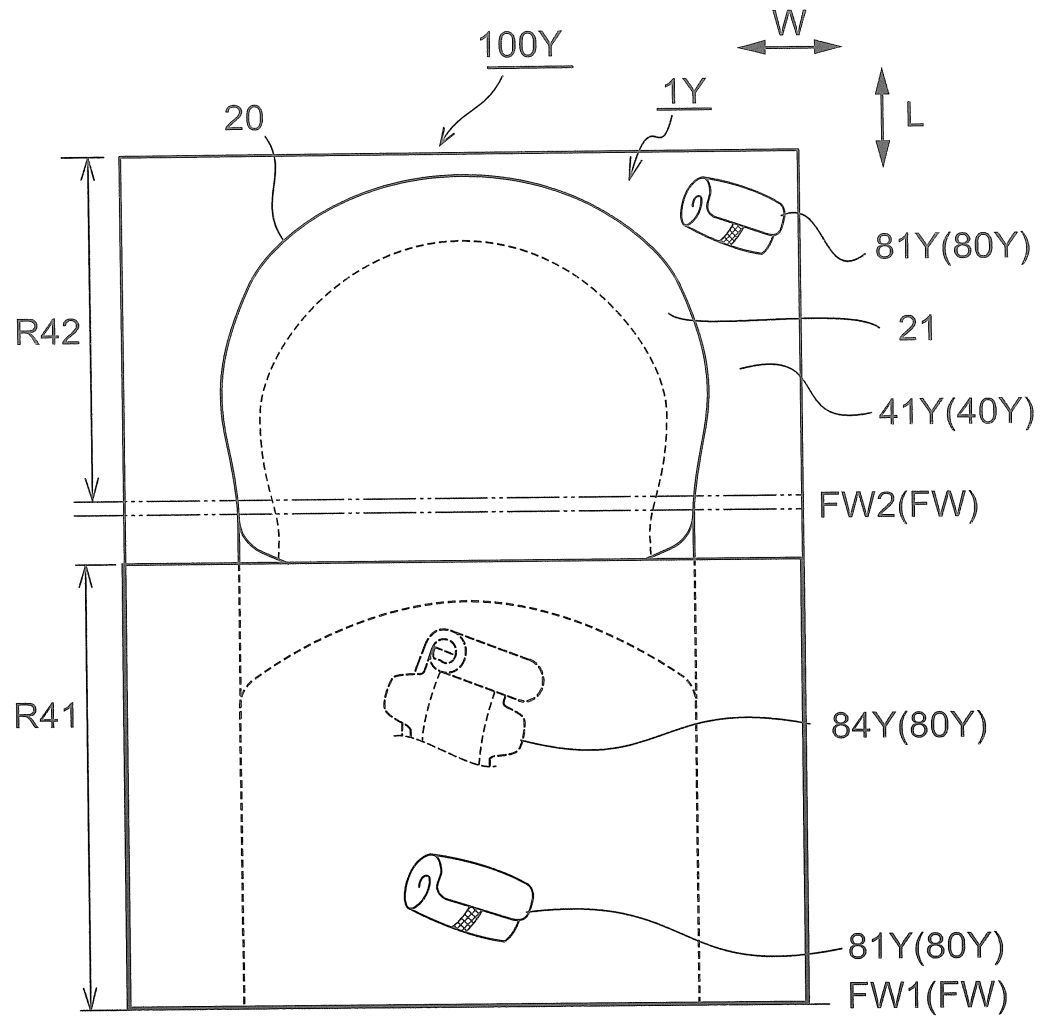


FIG. 12

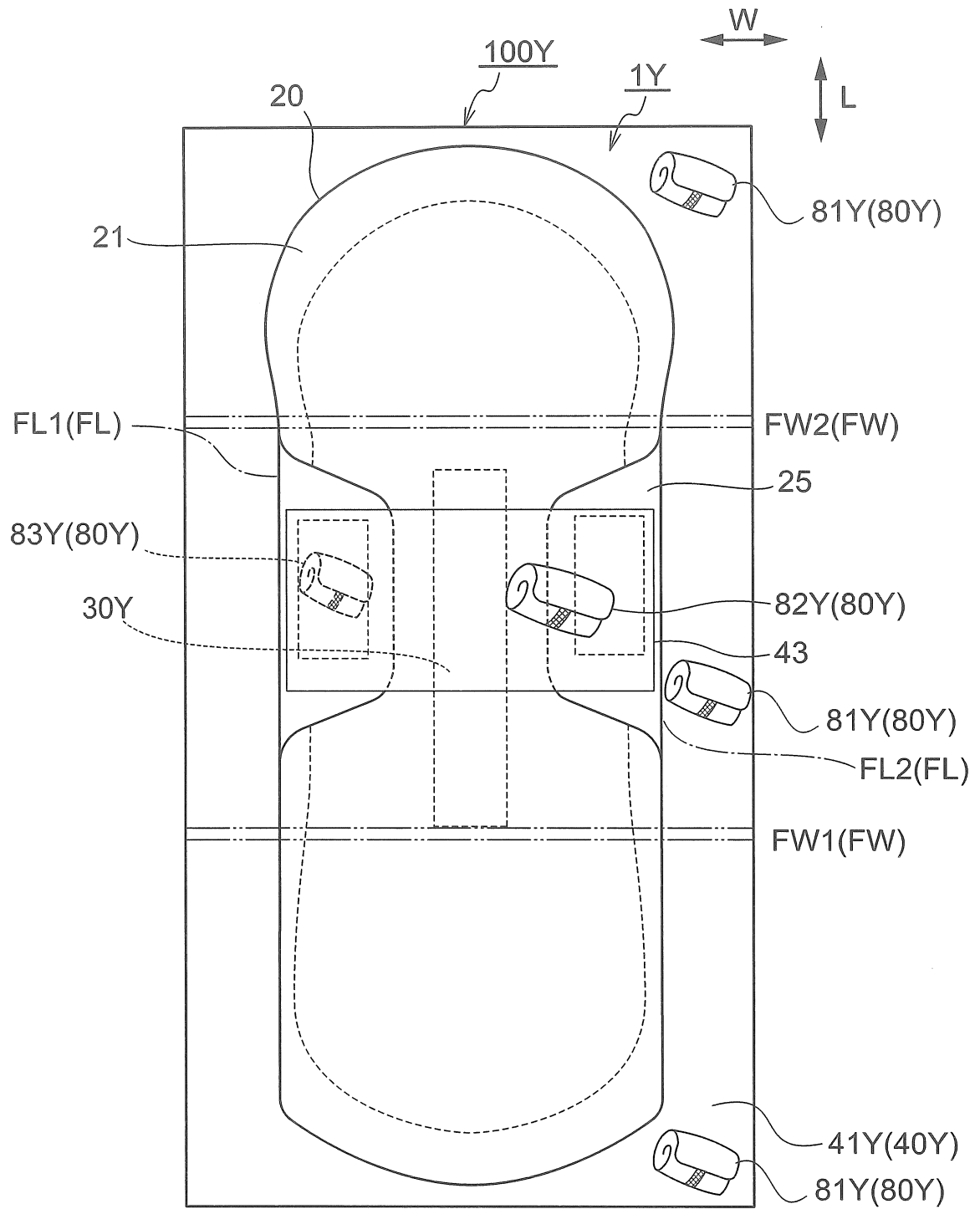


FIG. 13

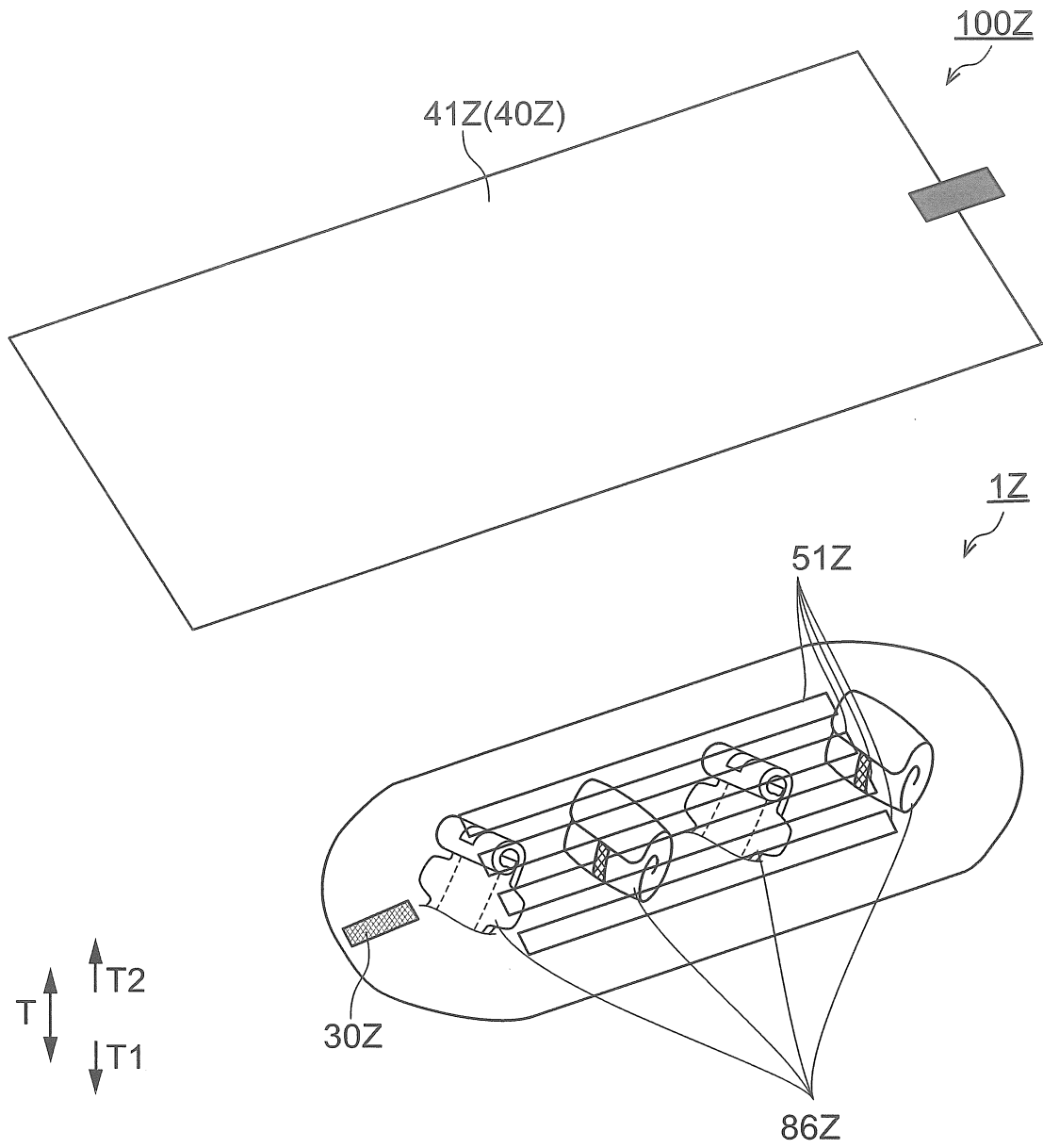


FIG. 14

